

Phần mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn lực to lớn của đất nước, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng.

Hiến pháp sửa đổi năm 2013 quy định: “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật*”. Để sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên đất, bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì kế hoạch sử dụng đất phải giữ vai trò rất quan trọng.

Công tác lập kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Theo quy định tại Điều 37 Luật Đất đai năm 2013 kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm. Đây là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Mục đích

- Là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng đất,... phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương trong năm 2018.

- Đề xuất việc khoanh định, phân bổ đất đai đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, đảm bảo hài hòa các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của huyện.

- Làm cơ sở để cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng đơn vị hành chính cấp xã theo từng năm.

2. Yêu cầu

- Phân tích, đánh giá đặc điểm và xác định những lợi thế, hạn chế về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, cảnh quan môi trường; thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tác động đến việc khai thác sử dụng đất.

- Định hướng khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả toàn bộ quỹ đất năm 2019.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2019 phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh, đảm bảo phát

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

triển nhanh bền vững góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Xác định cụ thể diện tích của từng công trình dự án, diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

III. CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

1. Cơ sở pháp lý

Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 17/5/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Sơn La;

Quyết định số 1959/QĐ-TTg ngày 29/10/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sơn La đến năm 2020;

Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết việc thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/10/2010 quy định tiêu chí của Trung tâm văn hóa – thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/10/2010 quy định tiêu chí Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã;

Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/03/2011 quy định tiêu chí nhà văn hóa, khu thể thao thôn (bản);

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Công văn số 2744/UBND-KT ngày 09/8/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 cấp huyện;

Hướng dẫn số 48/HD-STNMT ngày 02/3/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt và công bố công khai kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ

Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La; Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La nhiệm kỳ 2016 - 2020;

Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh Sơn La về việc thông qua kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Sơn La giai đoạn 2016-2020;

Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 04/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khoá XIII, kỳ họp thứ 9 về việc Thông qua bảng giá các loại đất giai đoạn 2015 – 2019 trên địa bàn tỉnh Sơn La áp dụng từ ngày 01/01/2015;

Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các dự án đầu tư năm 2018 trên địa bàn tỉnh;

Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về việc thông qua các danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2018 trên địa bàn tỉnh;

Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 về việc thông qua danh mục hủy bỏ thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh;

Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các dự án đầu tư năm 2019 trên địa bàn tỉnh;

Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 về việc thông qua danh mục công trình dự án nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án đầu tư năm 2019 trên địa bàn tỉnh;

Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 26/9/2011 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Sơn La giai đoạn 2010-2020;

Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 05/8/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng hỗ trợ vận tải đường bộ tỉnh Sơn La đến năm 2020;

Quyết định 3378/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Quỳnh Nhai huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La giai đoạn (2015 – 2025);

Quyết định số 175/QĐ_UBND ngày 22/01/2016 v/v điều chỉnh QHCT 1/500 khu TĐC thị trấn Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La;

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 v/v điều chỉnh QHCT 1/500 khu trung tâm HC-CT, VH, TDTT thị trấn Quỳnh Nhai;

Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc Đề nghị bổ sung thêm Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh Sơn La giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng huyện Quỳnh Nhai giai đoạn (2011-2020);

Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Sơn La giai đoạn 2013-2016;

Quyết định số 1217/QĐ-UBND 20/5/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Dự án rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển cây Cao su trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của UBND tỉnh về việc quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kết quả rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng huyện Quỳnh Nhai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất năm 2017 huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La;

Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 27/6/2018 của UBND huyện Quỳnh Nhai về việc phê duyệt Đề cương và Dự toán lập kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai;

Rà soát bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh huyện Quỳnh Nhai giai đoạn 2016- 2020;

Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Kết quả thống kê đất đai năm 2017 huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La;

Kết quả thu thập số liệu, tài liệu khảo sát đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của huyện;

Kết quả thu thập nhu cầu sử dụng đất năm 2018 của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện.

Phần thứ nhất

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Huyện Quỳnh Nhai cách thành phố Sơn La 65 km về phía Tây Bắc, có diện tích tự nhiên là 105.600 ha, bao gồm 11 xã.

Toạ độ địa lý: 21⁰31' - 22⁰05' vĩ độ Bắc.

103⁰28' - 103⁰49' kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp huyện Sìn Hồ, huyện Tân Uyên - tỉnh Lai Châu;

Phía Đông giáp huyện Mường La; huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu;

Phía Tây giáp huyện Tuần Giáo - tỉnh Điện Biên;

Phía Nam giáp huyện Thuận Châu.

Huyện Quỳnh Nhai có hệ thống giao thông (Quốc lộ 279 và Quốc lộ 6B) góp phần trong việc thông thương hàng hóa, trao đổi thông tin kỹ thuật, tiếp thu các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến và khả năng thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

1.2. Địa hình

Quỳnh Nhai có 3 dãy núi chính chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam gần như song song với vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, xen giữa các dãy núi và những đồi bát úp. Các sườn núi thấp dần về phía lòng hồ thủy điện Sơn La, tạo nên 3 vùng rõ rệt.

Vùng cao gồm 2 xã Mường Giôn và Chiềng Khay có độ cao trung bình 800 - 900 m so với mặt nước biển, có đỉnh núi cao nhất là Khau Pùm cao 1.823 m.

Vùng dọc lòng hồ gồm 6 xã: Cà Nàng, Mường Chiên, Pá Ma Pha Khinh, Chiềng Ôn, Mường Giàng và xã Chiềng Bằng có độ cao trung bình 300 - 400m so với mực nước biển.

Vùng đồi thấp gồm 3 xã: Chiềng Khoang, Mường Sại và Nậm Ét có độ cao trung bình 400 - 500m so với mặt nước biển.

Địa hình Quỳnh Nhai nhìn chung phức tạp chia cắt mạnh bởi những con suối, chủ yếu là diện tích có độ dốc từ 25⁰ trở lên chiếm 88,0%.

1.3. Khí hậu, thời tiết

Khí hậu Quỳnh Nhai mang đặc điểm chung của khí hậu vùng Tây Bắc, chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều; mùa đông khô lạnh, ít mưa. Khí hậu của huyện có đặc trưng chia làm 2 tiểu vùng.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Vùng cao gồm 2 xã: Chiềng Khay và Mường Giôn mang đặc trưng khí hậu á nhiệt đới, thời tiết mát lạnh (Có sương muối vào tháng 1,2).

- Vùng thấp (9 xã còn lại) mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, mưa nhiều.

- Khí hậu Quỳnh Nhai chia làm 2 mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô hanh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

- Nhiệt độ trung bình trong năm: 24,5⁰C - 28,5⁰C.

- Nhiệt độ thấp nhất: 18,1⁰C.

- Nhiệt độ cao nhất: 28,4⁰C.

- Lượng mưa bình quân 1.718 mm/năm, mưa chủ yếu vào tháng 7,8,9 chiếm 85% lượng mưa cả năm. Độ ẩm trung bình 85%, độ ẩm bình quân 78%.

- Nhìn chung trong những năm gần đây nhiệt độ có xu hướng tăng, độ ẩm giảm so với những năm trước đây, khí hậu vẫn thuận lợi cho sản xuất nhất là sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên có những bất lợi cần khắc phục, như xảy ra hạn hán, nắng nóng kéo dài, thỉnh thoảng có dông, mưa đá, sạt lở đất, gây không ít khó khăn cho sản xuất và đời sống.

1.4. Thủy văn

Vùng lòng hồ thủy điện Sơn La với chiều dài 72 km, Quỳnh Nhai còn có hệ thống suối dày đặc thuộc lưu vực lòng hồ với tổng chiều dài khoảng trên 200 km và nhiều con suối nhỏ khác, mật độ suối khoảng 0,20 km/km².

Do địa hình của huyện chia cắt mạnh, dốc nên phần lớn các con suối có lưu vực nhỏ, hẹp, ngắn và đều bắt nguồn từ núi cao do đó độ dốc lưu vực lớn đã tạo nên tính đa dạng về chế độ dòng chảy và lưu lượng nước giữa hai mùa chênh lệch lớn. Mùa cạn kiệt nước trùng với mùa khô lưu lượng nước nhỏ. Mùa lũ trùng với mùa mưa lưu lượng dòng chảy lớn, tốc độ dòng chảy cao, lượng nước tập trung thường gây ra lũ quét, lũ ống ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

2. Các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất

Căn cứ vào tính chất thổ nhưỡng, tài nguyên đất của huyện Quỳnh Nhai được chia làm các loại chính sau:

- Nhóm đất màu đỏ vàng nhạt trên đá sét: diện tích 22.250 ha, chiếm 24,98% diện tích điều tra;

- Nhóm đất mùn vàng trên núi cao: diện tích 13.340 ha, chiếm 14,98% diện tích điều tra;

- Nhóm đất nâu đỏ trên núi đá vôi: diện tích 11.876 ha, chiếm 13,34% diện tích điều tra;

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Nhóm đất nâu đỏ trên đá mácma trung tính-bazic: Diện tích 9.095 ha, chiếm 10,21% diện tích điều tra;

- Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ: Diện tích 795 ha, chiếm 0,89% diện tích điều tra;

- Nhóm đất đen: Diện tích 319 ha, chiếm 0,36% diện tích điều tra.

Nhìn chung các loại đất ở Quỳnh Nhai có độ dày tầng đất từ trung bình đến khá, thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, tỷ lệ mùn và chất dinh dưỡng khá, độ chua không cao lắm, nghèo bazơ trao đổi và các chất dễ tiêu. Phần lớn đất đai của huyện có độ dốc lớn, độ che phủ của thảm thực vật thấp nên cần chú trọng các biện pháp bảo vệ đất, hạn chế rửa trôi, xói mòn làm nghèo kiệt chất dinh dưỡng trong đất.

2.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước phục vụ cho sản xuất và đời sống cho nhân dân trong huyện được khai thác từ hai nguồn sau:

- *Nguồn nước mặt*: được cung cấp bởi hệ thống sông suối, bao gồm lòng hồ thủy điện Sơn La, suối Cà Nàng, Mường Chiên, Pắc Ma, Nậm Giôn và hệ thống sông suối nhỏ khác, ngoài ra còn một lượng lớn lấy từ các ao hồ ... Sau khi đóng đập thủy điện Sơn La diện tích đất canh tác và các khu dân cư chuyển lên trên cốt 218 nên hạn chế đáng kể tới khả năng khai thác sử dụng vào sản xuất và đời sống.

Về chất lượng nước nhìn chung còn tương đối tốt, chỉ bị ô nhiễm nhẹ do hàm lượng cặn lơ lửng hơi cao, các chỉ tiêu gây ô nhiễm đến chất lượng nước khác như hàm lượng các chất hữu cơ: BOD, COD, hàm lượng vi khuẩn đều nằm trong tiêu chuẩn chất lượng nước mặt loại A cho phép. Chất lượng nguồn nước mặt đủ tiêu chuẩn cấp cho tưới và nuôi trồng thủy sản, nếu sử dụng để cấp cho sinh hoạt thì cần xử lý hàm lượng cặn lơ lửng trước khi cấp. Tuy nhiên mặt nước lòng hồ, suối đều thấp hơn mặt bằng đất canh tác và khu dân cư nên hạn chế đáng kể đến khả năng khai thác sử dụng vào sản xuất và đời sống.

- *Nước dưới đất*: Hiện tại chưa có số liệu điều tra chính xác về trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn huyện, song qua điều tra khảo sát sơ bộ ở một số khu vực phiêng bãi bằng và khu dân cư, người dân đã đào giếng và sử dụng nước dưới đất phục vụ sinh hoạt, chất lượng khá tốt, trong và không mùi, tuy nhiên do địa hình phức tạp phân bố không đều, trữ lượng ít, mực nước thấp, khai thác khó khăn. Nước dưới đất trên địa bàn chủ yếu tồn tại dưới 2 dạng:

+ Nước dưới đất chứa trong các kẽ nứt của đá: Được hình thành do đá bị phong hoá mạnh, nước mưa ngấm qua đất dự trữ vào kẽ nứt trên bề mặt của các loại đá, nhiều nguồn nước dưới đã lộ ra ngoài thành dòng chảy, lưu lượng dao động mạnh theo mùa (từ 1 - 2 l/s đến 20 l/s).

+ Nước Kaster: Được tàng trữ trong các hang động Kaster hình thành từ núi đá vôi. Nước Kaster thường phân bố sâu, ít vận động, các mạch xuất lộ từ nguồn Kaster thường có lưu lượng lớn, động thái không ổn định (từ vài chục lít đến hàng triệu lít). Nước Kaster là loại nước cứng, khi sử dụng trong sinh hoạt cần được xử lý.

Nhìn chung hầu hết các sông suối của huyện có độ dốc gây hạn chế đến phát triển sản xuất nông nghiệp và giao thông, thủy lợi. Mặt khác do chịu ảnh hưởng của chế độ khí hậu phức tạp, địa hình bị chia cắt, thảm thực vật rừng bị tàn phá nên lưu lượng dòng chảy có sự biến động theo mùa, lưu lượng mùa kiệt trùng với mùa lạnh khô, mùa lũ trùng với mùa mưa, cường độ dòng chảy mạnh thường gây ra lũ quét, lũ ống ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.

2.3. Tài nguyên rừng, thảm thực vật

Diện tích đất lâm nghiệp có rừng của huyện Quỳnh Nhai là 40.456,20 ha, chiếm 38,31% diện tích tự nhiên. Tài nguyên rừng huyện Quỳnh Nhai khá phong phú, có nhiều nguồn gen động, thực vật quý hiếm. Thực vật có nhiều loài cây quý hiếm như: Nghiến,...các loài tre trúc và dược liệu. Động vật có các loài gấu, linh trưởng, các loài bò sát như rắn, rắn và hàng nghìn loài côn trùng tạo nên một quần thể sinh học đa dạng.

Tuy nhiên, do việc phá rừng làm nương trong thời gian qua đã làm cho tài nguyên sinh vật và tài nguyên rừng của huyện nghèo đi, chất lượng rừng bị suy giảm. Hiện nay phần lớn diện tích rừng là rừng phục hồi, rừng nghèo, rừng tre nứa và rừng hỗn giao trữ lượng thấp.

Trong những năm gần đây do quá trình khai thác không hợp lý, nhiều loại gỗ quý hiếm, thảo dược và động vật đã biến mất. Hiện nay vấn đề trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng đã được các cấp chính quyền quan tâm. Nên diện tích đất lâm nghiệp có rừng ngày một tăng, hiện tượng phá rừng đốt rừng làm nương rẫy cơ bản giảm.

Nhìn chung, địa bàn huyện có nguồn tài nguyên thảm thực vật khá phong phú và đa dạng, có ý nghĩa lớn cả về kinh tế và khoa học-môi trường sinh thái. Đất đai ở đây phù hợp với nhiều loại cây trồng, có điều kiện để xây dựng hệ thống rừng phòng hộ và rừng kinh tế hàng hóa có giá trị kinh tế cao.

2.4. Tài nguyên khoáng sản

Quỳnh Nhai là huyện nghèo về khoáng sản, các mỏ khoáng sản có trữ lượng nhỏ, phân bố rải rác không đủ điều kiện để khai thác công nghiệp. Trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai có những loại khoáng sản sau:

- Than đá: Tập trung ở các xã Pá Ma Pha Khinh, Mường Chiên, có trữ lượng cấp C1 + C2 khoảng 273 nghìn tấn.

- Vàng: Tập trung ở Mường Giôn và Chiềng Khay, có trữ lượng cấp P2 3.550 kg (hàm lượng Au trên 5g/t).

- Quặng Đồng: Tập trung ở xã Chiềng Ôn, Chiềng Bằng, Chiềng Khoang, có trữ lượng khai thác khoảng 120 nghìn tấn.

2.5. Tài nguyên nhân văn

Cộng đồng các dân tộc gồm 6 dân tộc anh em đoàn kết, gắn bó chung sống lâu đời, trong đó đông nhất là dân tộc Thái, dân tộc Kháng, dân tộc H'Mông, dân tộc La Ha, dân tộc Kinh và ít nhất là dân tộc Khơ Mú. Mỗi dân tộc đều giữ nét đặc trưng riêng trong đời sống văn hóa truyền thống, hòa nhập làm phong phú đa dạng bản sắc dân tộc, bao gồm văn hóa nghệ thuật, lịch sử, tín ngưỡng. Đến nay cộng đồng dân tộc của huyện vẫn bảo tồn và lưu giữ được các điệu múa, hát và các hoạt động văn hoá truyền thống như: Múa xòe, hát đối, ném còn, kéo co, bắn nỏ, đẩy gậy,...

3. Thực trạng cảnh quan môi trường

Là một huyện vùng núi cao, địa hình phức tạp chia cắt cùng với thảm thực vật đa dạng, có lòng hồ thủy điện Sơn La rộng lớn tạo ra nhiều cảnh quan hấp dẫn là tiềm năng cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và nghiên cứu các giá trị văn hóa của các dân tộc vùng cao.

Có môi trường không khí trong lành, nguồn nước ít bị ảnh hưởng bởi các chất thải công nghiệp và hoạt động sinh hoạt của con người. Tuy nhiên ở một số khu vực nông thôn nơi đồng bào thiểu số sinh sống, vẫn còn tồn tại tập quán chăn nuôi gia súc, gia cầm dưới gầm nhà sàn, hiện tượng phá rừng làm nương vẫn xảy ra. Sản xuất nông nghiệp chủ yếu trên đất dốc mà chưa áp dụng các biện pháp bồi bổ cải tạo đất đã làm giảm độ phì của đất, khả năng giữ nước thấp, hiện tượng xói mòn, rửa trôi xảy ra khá phổ biến làm giảm tầng dày và độ phì của đất gây sạt lở, lũ quét ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân.

Để xây dựng môi trường bền vững cần phải có các giải pháp nhằm phục hồi, tái sinh thảm thực vật, nâng tỷ lệ che phủ rừng nhất là ở những khu vực đầu nguồn. Đây là vấn đề cần có sự quan tâm kịp thời của các cấp chính quyền.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

1.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Trồng trọt vẫn là ngành sản xuất quan trọng của huyện được định hướng phát triển theo phương châm thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế, cải tiến phương thức sản xuất, áp dụng các loại kỹ thuật mới, giống mới vào sản xuất. Công tác ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật, quy trình canh tác tiên tiến được UBND huyện quan tâm chỉ đạo nhằm nâng cao năng suất, chất

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nai

lượng sản phẩm nông nghiệp, chuyển dần các hình thức canh tác lạc hậu sang thực hiện các quy trình sản xuất tiên tiến. Năm 2018 các cơ quan chuyên môn đã tổ chức tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật theo nhu cầu hộ nông dân được 80 lớp với 3.228 lượt người tham gia; triển khai 14 mô hình, trong đó 7 mô hình trình diễn, 07 mô hình khuyến nông tự nguyện và nhân diện, nhiều mô hình mang lại hiệu quả kinh tế cao, được bà con nông dân hưởng ứng nhiệt tình và đã được nhân rộng. Thông qua các lớp tập huấn, chuyên giao khoa học kỹ thuật, nhận thức của người dân từng bước được nâng cao, đã có sự chuyển dần phương thức sản xuất truyền thống sang sản xuất có đầu tư thâm canh, sản xuất hàng hóa có năng suất, chất lượng cao hơn.

Tổng diện tích gieo trồng năm 2018 thực hiện được 11.319 ha, đạt 100,2% KH năm, giảm 2,8% với cùng kỳ năm 2017. Diện tích sản lượng một số cây trồng chính như sau:

+ Cây lương thực có hạt: Tổng diện tích thực hiện được 6.530 ha, đạt 100,2% KH, tăng 1,5% so với năm 2017; tổng sản lượng cây lương thực có hạt ước đạt 25.306 tấn, đạt 100,5% KH, tăng 2,5% so với năm 2017.

+ Cây chất bột lấy củ: Diện tích thực hiện 3.633 ha, đạt 103,8% KH, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Cây công nghiệp hàng năm: Thực hiện 595 ha, đạt 99,1% KH năm, giảm 3,5% so với năm 2017.

+ Cây công nghiệp lâu năm: Diện tích chăm sóc 981,5 ha, trong đó cà phê 139 ha; cây cao su 842,5 ha, sản lượng mủ cao su khai thác tính đến tháng 11 năm 2018 đạt 943 tấn.

+ Cây ăn quả: tổng diện tích cây ăn quả toàn huyện đạt 1.081 ha, trong đó trồng mới năm 2018 được 42 ha (gồm 28 ha Chanh leo; 5,5 ha cây Na; 2,0 ha cây Nhãn; 3,0 ha cây Xoài; 0,5 ha Mận hậu và 3,0 ha cây Chuối), đạt 28% KH.

+ Kết quả triển khai một số chương trình, dự án: Tổ chức rà soát, đăng ký hỗ trợ ghép mắt và trồng cây ăn quả cho các hộ đủ điều kiện hỗ trợ theo Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 13/5/2017 của HĐND tỉnh; tổng số hộ được phê duyệt hỗ trợ là 2.890 hộ, đã thực hiện cura đón cây xong cho 2.890 hộ ghép mắt, triển khai ghép mắt được 640 hộ, số hộ thực hiện mắt ghép đạt yêu cầu là 328 hộ.

1.1.2. Chăn nuôi

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống đói, rét, dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm. Triển khai thực hiện tiêm phòng vắc xin các loại cho đàn gia súc, gia cầm được 219.990 liều, phun tẩy khử trùng môi trường chăn nuôi, phòng chống dịch bệnh hóa chất (Benkocid) tháng hành động môi trường chăn nuôi đợt 1 được 460 lít, tổng diện tích phun tẩy môi trường chuồng trại chăn nuôi 9.200.000 m² (1 tuần phun một lần, phun 4 lần/tháng). Năm 2018 trên địa bàn

huyện không xảy ra dịch bệnh trên đàn vật nuôi, số trâu, bò chết rét giảm so với nhiều năm.

Tổng đàn vật nuôi tiếp tục giữ vững và phát triển (theo số liệu kiểm kê đàn vật nuôi ngày 01/10/2018): Tổng đàn trâu hiện có 12.690 con, đạt 95,7 % KH năm; đàn bò 21.130 con, đạt 96% KH năm; đàn dê 21.290 con, đạt 89,6% KH năm; đàn lợn > 2 tháng tuổi 35.500 con, đạt 92,2% KH năm; đàn gia cầm 270 nghìn con, đạt 90,9% KH năm; đàn ngựa 135 con; chó 6.005 con, nhím 1.732 con; thỏ 379 con, đàn ong 645 đàn. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 2.800 tấn, đạt 90,3% KH năm¹.

1.1.3. Lâm nghiệp

Chỉ đạo tổ chức trồng khôi phục lại diện tích trồng rừng năm 2015 được 460,26 ha, trong đó xã Mường Giôn 332,92 ha; Chiềng Khay 196,5 ha; tổ chức trồng cây phân tán được 14.658 cây ; khoanh nuôi bảo vệ rừng được 5.000 ha hoàn thành kế hoạch. Bên cạnh công tác phát triển rừng, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, UBND các xã tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng đến từng hộ dân để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân trong công tác bảo vệ và phát triển rừng. Thường xuyên tăng cường, củng cố tổ đội quần chúng và PCCCR tại cơ sở; chuẩn bị lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia chữa cháy rừng theo phương châm “Bốn tại chỗ” chữa cháy rừng ngay từ khi mới phát lửa; tổ chức diễn tập ứng phó cháy rừng – tìm kiếm cứu nạn tại xã Chiềng Bằng để sẵn sàng các tình huống. Năm 2018 trên địa bàn huyện không xảy ra cháy rừng.

Công tác kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các vụ vi phạm Luật bảo vệ rừng được chú trọng. Qua kiểm tra, phát hiện đã lập hồ sơ xử lý 43 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, tăng 23 vụ so với cùng kỳ năm 2017 (trong đó: Phá rừng trái pháp luật 04 vụ với diện tích thiệt hại 19.646 m²; 03 vụ lấn chiếm đất lâm nghiệp làm nương tổng diện tích 11.941m²; Vi phạm khai thác, cất giữ, mua bán, vận chuyển lâm sản 36 vụ) Tang vật vi phạm hành chính tịch thu sung quỹ Nhà nước: 38,962 m³ gỗ các loại; 7.000 kg lâm sản ngoài gỗ (cây cầu tích). Tổng số tiền thu nộp ngân sách Nhà nước 331.050.000 đồng, trong đó: Tiền xử phạt vi phạm hành chính 107.650.000 đồng; tiền bán tang vật tịch thu sung quỹ Nhà nước 223.400.000 đồng.

1.1.4. Thủy sản

Với tiềm năng thế mạnh về diện tích mặt nước, đặc biệt vùng lòng hồ thủy điện Sơn La. UBND huyện đã chủ trương xây dựng ngành thủy sản thành một ngành nghề sản xuất chính tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, trong đó

¹ Báo cáo số 922/BC-UBND ngày 26/11/2018 về Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của UBND huyện Quỳnh Nhai.

chú trọng phát triển các loài, giống thủy sản có giá trị kinh tế cao kết hợp tăng cường bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản hiện có trên các sông suối, ao hồ.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tư vấn, chăm sóc, nuôi trồng và phòng chống dịch bệnh xảy ra trên cá nuôi cho các hộ, các hợp tác xã nuôi thủy sản; khuyến khích phát triển các loài cá đặc sản của sông Đà; tư vấn hỗ trợ các hợp tác xã lập hồ sơ nuôi trồng thủy sản sạch theo quy trình VietGap...; hỗ trợ các HTX tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ được tổ chức trong và ngoài huyện. Thả 30.300 con cá giống tái tạo nguồn lợi thủy sản vùng lòng hồ thủy điện Sơn La.

Tổng diện tích mặt nước nuôi thủy sản năm 2018 toàn huyện ước đạt 275 ha (gồm mặt nước nuôi cá lồng 24 ha; diện tích ao nuôi 250 ha; diện tích ương giống 01 ha), số lồng cá nuôi duy trì khoảng trên 6.000 lồng. Sản lượng cá nuôi và khai thác đánh bắt ước đạt 2.130 tấn, đạt 100% kế hoạch, trong đó sản lượng cá nuôi 1.110 tấn (cá ao, cá lồng); sản lượng khai thác đánh bắt 500 tấn.

1.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng

Sản xuất công nghiệp được quan tâm mở rộng và đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo thêm nhiều việc làm mới, đời sống của công nhân lao động được ổn định. Trong năm 2018, sản phẩm chủ yếu như đá xây dựng các loại 80.000m³ so với cùng tháng năm trước đạt 105,3%, cà phê nhân 60 tấn, nước máy thương phẩm 0,4 triệu m³ bằng 102,6% so với cùng kỳ, gạch các loại 0,80 triệu viên bằng 106% so với cùng kỳ.

1.3. Khu vực kinh tế dịch vụ

Các hoạt động dịch vụ, thương mại được duy trì tốt, hàng hoá đa dạng phong phú, giá cả bình ổn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá ước đạt 509,67 tỷ đồng, bằng 105% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 96 tỷ đồng, bằng 109,5 % so với cùng kỳ. Các hoạt động xúc tiến thương mại tiếp tục triển khai thực hiện. Công tác bảo đảm lưu thông hàng hóa, kiểm tra, kiểm soát thị trường, chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường, các lực lượng chức năng đã tiến hành kiểm tra 152 vụ, xử lý 80 vụ, giá trị thu phạt và tiêu hủy hàng hóa là 116,7 triệu đồng (trong đó thu phạt 91,5 triệu đồng, giá trị hàng hóa tịch thu tiêu hủy là 25,2 triệu đồng).

2. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập

2.1. Dân số

Theo số liệu thống kê tính đến hết quý III năm 2018 dân số toàn huyện là 66.911 nhân khẩu, 14.307 hộ, dân cư nông thôn chiếm 86,70%, dân cư đô thị chiếm 13,30%. Mật độ dân số bình quân 63 người/km², nhưng phân bố không đều dân số cao nhất là xã Mường Giôn, thấp nhất là Mường Chiên.

Về dân tộc toàn huyện có 6 dân tộc anh em sinh sống, trong đó dân tộc Thái chiếm khoảng 81,02%; Dân tộc Kháng chiếm khoảng 4,25%; Dân tộc Mông chiếm khoảng 4,20%; Dân tộc Kinh chiếm khoảng 4,60%; Dân tộc Khơ Mú chiếm khoảng 2,70%; Dân tộc khác chiếm khoảng 3,23%. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên năm 2018 là 1,20%.

2.2. Lao động, việc làm

Số người trong độ tuổi lao động có khả năng lao động trên địa bàn huyện có 39.600 người. Trong đó: Lao động trong ngành nông - lâm nghiệp có 33.010 người (chiếm 83,4%), lao động trong ngành Công nghiệp và xây dựng có 590 người (chiếm 1,49%), lao động trong ngành dịch vụ 670 người (chiếm 1,69%), lao động trong các ngành khác 2.200 người (chiếm 5,56%). Nguồn lao động của huyện khá dồi dào, song phân bố không đều, chất lượng nguồn lao động còn thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động còn thấp. Trong thời gian tới để đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện nhất là nhu cầu lao động cho các ngành công nghiệp - xây dựng thì việc đào tạo, nâng cao chất lượng trình độ lao động cần được quan tâm và chú trọng đầu tư.

2.3. Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người năm đạt 22 triệu đồng/người/năm. Mức sinh hoạt đời sống của nhân dân trong huyện ngày càng được nâng cao và cải thiện, nhất là ở những xã vùng thấp. Một số xã ở xa trung tâm huyện (Cà Nàng, Chiềng Khay, Nậm Ét) đời sống nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn do sản xuất chậm phát triển.

3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

3.1. Thực trạng phát triển đô thị

Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có thị trấn, toàn bộ khu trung tâm hành chính huyện Quỳnh Nhai nằm trong địa giới hành chính của xã Mường Giàng đã được đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị đồng bộ tạo tiền đề để thành lập thị trấn Quỳnh Nhai trong tương lai theo Quyết định 3378/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Quỳnh Nhai huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La giai đoạn (2015 – 2025). Đất xây dựng đô thị tập trung, phát triển theo dọc Quốc lộ 6B và QL 279, diện tích đất ở đô thị năm 2018 của huyện là 34,17 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên của huyện. Khu trung tâm hành chính, chính trị Quỳnh Nhai, huyện Quỳnh Nhai đã được công nhận là đô thị loại V theo Quyết định 470/QĐ-UBND tỉnh Sơn La ngày 07/03/2018.

3.2. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Toàn huyện có 11 xã với 196 bản là khu dân cư nông thôn sinh sống từ lâu đời các khu dân cư phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các xã có điều kiện phát triển kinh tế xã hội, thuận lợi về giao thông, dọc trục QL 6B. Ở

các xã vùng cao, vùng dọc sông đà như Chiềng Khay, Nậm Ét, Mường Sại,... các khu dân cư phân bố nhỏ lẻ cách xa nhau, nằm trong các khu đất sản xuất nhỏ giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn.

Là huyện miền núi có nhiều thành phần dân tộc cùng chung sống với các phong tục tập quán khác nhau, vì vậy có nhiều hình thái quần tụ dân cư, phổ biến nhất là hình thái làng bản. Quy mô làng bản phụ thuộc vào từng dân tộc và điều kiện khu dân cư sinh sống. Bình quân chung mỗi xã khu vực nông thôn có khoảng 300 - 350 hộ sinh sống, mỗi bản có từ 60 - 100 hộ. Nhiều dân tộc có tập quán làm nhà ở trên núi cao hoặc ở tận các khu vực hẻo lánh, gần với nguồn nước và nơi có thể tìm được đất sản xuất. Hình thái và sự phân bố các khu dân cư trên địa bàn huyện vì thế cũng rất đa dạng, khó xác định được ranh giới khu dân cư. Các công trình phúc lợi xã hội đã được đầu tư xây dựng như giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế,... Tuy vậy cơ sở hạ tầng trong các khu dân cư nông thôn vẫn còn nghèo nàn lạc hậu giao thông đi lại tới các bản còn gặp nhiều khó khăn nhất là vào mùa mưa, điện lưới quốc gia đã tới các xã, trường học, chợ,... đa phần là nhà tạm hoặc đã xuống cấp nhất là ở các vùng sâu, vùng xa. Mặt khác sự phân bố của các khu dân cư nhỏ lẻ rải rác và rất đa dạng việc đầu tư các cơ sở hạ tầng trong khu dân cư cũng rất khó khăn và chi phí cao.

4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

4.1. Hệ thống giao thông

Việc xây dựng phát triển các tuyến giao thông gặp rất nhiều khó khăn do đặc thù địa hình miền núi và đầu tư chưa đồng bộ, khả năng khai thác sử dụng các tuyến đường còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu đi lại, giao lưu, trao đổi của nhân dân trong vùng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trên địa bàn huyện có hai loại hình giao thông đặc trưng là đường bộ và đường thủy.

4.1.1. Hệ thống giao thông đường bộ

- Quốc lộ: Trên địa bàn huyện có 2 tuyến Quốc lộ là tuyến QL6B, QL279 chạy qua huyện với tổng chiều dài 73,5 km đây là tuyến đường huyết mạch quan trọng nối trung tâm kinh tế, văn hoá chính trị, an ninh quốc phòng của huyện với trung tâm văn hóa của tỉnh, nối tỉnh Sơn La với tỉnh Lai Châu đã được nâng cấp mở rộng theo tiêu chuẩn cấp IV miền núi. Trong đó:

+ Tuyến Quốc lộ 279 chạy qua huyện với tổng chiều dài 55 km là tuyến giao thông huyết mạch kết nối tỉnh Sơn La với tỉnh Lai Châu, chất lượng kỹ thuật giao thông tốt với bề mặt nền đường từ 6,5 – 7m, kết cấu mặt đường được rải nhựa.

+ Tuyến QL 6B từ ngã ba suối Lu huyện Quỳnh Nhai đến huyện Thuận Châu đây là tuyến giao thông quan trọng với tổng chiều dài 18,5 km chất lượng

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

kỹ thuật giao thông tốt với bề mặt nền đường từ 5 – 6,5 m, kết cấu mặt đường được rải nhựa.

Đây là 2 trục đường quan trọng nối các trung tâm kinh tế, văn hoá chính trị, an ninh quốc phòng của huyện với các huyện trong tỉnh và tỉnh bạn.

- Tỉnh lộ: Hiện có tuyến tỉnh lộ 107 qua địa bàn huyện với tổng chiều dài 50 km. Là tuyến đường nối liền các trung tâm kinh tế, văn hoá của huyện với tỉnh Lai Châu và tỉnh Điện Biên. Tỉnh lộ 116 qua địa bàn huyện có tổng chiều dài 11 km, đây là tuyến đường nối liền huyện Thuận Châu với các xã Nậm Ét và Mường Sại của huyện. Tuyến đường tỉnh lộ là đường cấp V miền núi chất lượng thấp, bề mặt nền đường từ 4 - 5,5m, sự lưu thông giao thương trao đổi hàng hoá hạn chế.

- Huyện lộ: Gồm 08 tuyến với tổng chiều dài 114,5 km. Là tuyến đường nối liền các trung tâm kinh tế, văn hoá của huyện với các xã. Hầu hết các tuyến đường huyện lộ có nền đường rộng từ 3,5-5 m, chất lượng đường thấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân và lưu thông trao đổi hàng hóa hạn chế cần được sửa chữa nâng cấp mở rộng.

- Hệ thống đường giao thông nông thôn: Gồm 197 tuyến với tổng chiều dài là 459,3 km chủ yếu là đường đất rộng từ 2,5-5 m. Trong đó có 9,2 km đường bê tông; 75,8 km đường rải nhựa; 83,8 km đường cấp phối và 290,5 km đường đất. Đường đất chiếm tỷ lệ 63,2% đường giao thông nông thôn, chủ yếu là đường dân sinh chất lượng thấp chỉ đáp ứng được nhu cầu đi lại trước mắt cho nhân dân.

- Dịch vụ hỗ trợ vận tải: Hiện nay trên địa bàn huyện có 1 bến xe trung tâm huyện và 3 bãi đỗ xe tĩnh với 3 tuyến xe chính là tuyến Quỳnh Nhai – Hà Nội, tuyến Quỳnh Nhai – Sơn La và tuyến Quỳnh Nhai – Mai Sơn, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân. Dịch vụ taxi mới phát triển trong vài năm gần đây và bước đầu phục vụ cho nhu cầu đi lại của người dân.

4.1.2. Hệ thống giao thông đường thủy

Hệ thống giao thông đường thủy: huyện Quỳnh Nhai có khoảng 72 km chiều dài lòng hồ thủy điện Sơn La đi qua 8 xã dọc sông, là tuyến có vị trí quan trọng trong việc vận tải đường thủy giữa huyện Quỳnh Nhai với huyện Mường La và ngược lên huyện Tủa Chùa tỉnh Điện Biên, huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu.

Dịch vụ hỗ trợ vận tải: Hiện nay trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai chưa có cảng giao thông đường thủy, hiện có 41 bến đò về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu đi lại của người dân trong phạm vi gần và nhu cầu vận chuyển hàng hóa giữa huyện Quỳnh Nhai với huyện Mường la, huyện Tủa Chùa tỉnh Điện Biên và huyện Sìn Hồ tỉnh Lai Châu.

4.2. Thủy lợi và nước sinh hoạt

a) Thủy lợi

Thủy lợi đã được quan tâm nhằm khai thác tiềm năng đất đai của huyện. Để đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sản xuất UBND huyện chỉ đạo các xã phát động phong trào toàn dân làm thủy lợi, nạo vét kênh mương, tu sửa phai tạm. Hiện nay trên địa bàn huyện đã xây dựng: 2 hồ chứa nước (Hồ Pom Pè, Hồ Pom Luông) với 227 đập đầu mối trong đó 45 đập kiên cố, 13 đập rọ thép, 169 đập tạm. Có 236 tuyến kênh với tổng chiều dài là 167,66 km trong đó đã đầu tư xây dựng 78,70 km kiên cố; 88,96 km kênh mương đất. Các công thủy lợi tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp cho 161,1 ha lúa chiêm và 75,91 ha lúa mùa. Ngoài ra các công trình còn góp phần tưới ẩm cho một diện tích đáng kể cây công nghiệp, cây ăn quả, kết hợp nuôi trồng thủy sản, và chăn nuôi gia súc,...

b) Nước sinh hoạt

Toàn huyện có 134 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Trong đó số công trình còn đang hoạt động 103 công trình, số công trình hư hỏng không hoạt động 31 công trình. Tỷ lệ số hộ được dùng nước hợp vệ sinh đạt 94,09%.

4.3. Hệ thống điện

Trên địa bàn huyện hiện có các hệ thống lưới điện sau: Hệ thống điện 110 kV, 35 kV, 10 kV và 0,4 kV cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hệ thống điện lưới quốc gia đã đến 11/11 xã. Hiện trên địa bàn huyện có 248,18 km đường dây trung thế 35 kV, 240,23 km đường dây hạ thế 0,4 kV, 137 trạm biến áp với tổng dung lượng 14.038 kVA, trạm cắt có 4 trạm, tụ bù hạ thế 44 bộ với tổng dung lượng là 1.120 kVAr, tụ bù trung thế có 01 bộ với dung lượng là 150 kVAr. Tỷ lệ hộ dân được dùng điện sinh hoạt tăng từ 86,31% năm 2017 lên 89,48% năm 2018.

4.4. Bưu chính viễn thông

Mạng lưới bưu chính viễn thông trong huyện đã và đang được phát triển. Tuy nhiên so với mặt bằng chung của cả tỉnh hệ thống hạ tầng bưu chính, viễn thông của huyện còn phát triển chậm.

Đến nay đã có 11/11 xã trong huyện được phủ sóng điện thoại di động. Trên địa bàn Quỳnh Nhai hiện có 4 nhà cung cấp dịch vụ viễn thông gồm: Bưu điện huyện Quỳnh Nhai, Vinaphone, Mobifone, Viettel. Trong năm 2018 toàn huyện có 53.452 thuê bao điện thoại, 1.752 thuê bao truy cập tốc độ cao, 1.016 thuê bao truyền hình trả tiền, 51 trạm BTS , cơ bản đáp ứng được yêu cầu phục vụ thông tin cho phát triển kinh tế xã hội an ninh, quốc phòng.

4.5. Phát thanh truyền hình

Trong năm 2018 đã tuyên truyền trên xe thông tin lưu động được 18 buổi thu hút khoảng 15.000 lượt người nghe; sản xuất 253 chương trình truyền thanh bằng hai thứ tiếng tiếng Phổ thông và tiếng Thái với 1.460 tin, bài và 100 chương trình với 459 tin, bài; cộng tác với Đài phát thanh truyền hình Sơn La

được 15 trang tin, 153 tin. Tỷ lệ Số hộ xem được Đài truyền hình VN 87,9%; Tỷ lệ hộ nghe được đài tiếng nói VN 87%.

5. Thực trạng phát triển văn hoá - xã hội

5.1. Giáo dục đào tạo

Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập; củng cố, duy trì mạng lưới trường, lớp các cấp học phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Chỉ đạo UBND các xã quan tâm huy động các nguồn lực sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, trồng cây xanh giữ môi trường xanh - sạch - đẹp, chú trọng đầu tư cho các đơn vị trường phấn đấu trường đạt chuẩn quốc gia. Năm học 2017 - 2018 trên địa bàn huyện có tổng số 49 đơn vị trường với 946 phòng học, trong đó 842 phòng kiên cố và bán kiên cố, 83 phòng tạm, 250 phòng ở công vụ cho giáo viên, 12 nhà đa năng, 29 nhà hiệu bộ, 19 nhà bếp, 245 phòng bán trú học sinh. Năm học 2018-2019 thực hiện sắp xếp lại mạng lưới, quy mô trường lớp, theo đó trên địa bàn huyện còn 37 đơn vị trường, giảm 12 trường (15 trường mầm non (01 trường tư thục), 06 trường tiểu học, 09 trường tiểu học và THCS, 05 trường THCS, 02 trường THPT và 01 trường DTNT).

* Về phát triển quy mô, mạng lưới trường, lớp học:

Củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học - đúng độ tuổi và duy trì phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Chỉ đạo các đơn vị trường thực hiện nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra, công nhận lại kết quả duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục THCS, kết quả 11/11 xã duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục. Phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ và Hội Nông dân huyện huy động học viên tham gia học các lớp xóa mù chữ được 13 lớp với 400 học viên (*trong đó: mức độ 1: 02 lớp; Mức độ 02: 11 lớp*). Tiếp tục duy trì 12 trường học đã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia (năm 2017 tổng số 10 trường, công nhận đầu năm 2018 thêm 02 trường) và đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 10/5/2016 về xây dựng trường học giai đoạn 2016 - 2020 gắn với chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới

Kết quả thực hiện các nhiệm vụ năm học 2017- 2018 toàn huyện có 15 trường mầm non công lập với tổng số 230 nhóm lớp, 5029 học sinh, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt $690/3421=20,1\%$, mẫu giáo đạt $4324/4365=99,0\%$, mẫu giáo 5 tuổi đạt $1477/1477=100\%$; 16 trường tiểu học (01 trường PTDT BT) với 328 lớp = 7192 học sinh, tỉ lệ huy động học sinh đầu cấp đạt 100%, duy trì sĩ số đạt 99,98%; 14 trường THCS (02 trường PTDT BT THCS) thực hiện 144 lớp = 4738 học sinh; 02 trường THPT thực hiện 36 lớp với 1496 học sinh; 01 TTGDNN-GDTX thực hiện 06 lớp với 184 học viên; 01 trường PTDT Nội trú THCS&THPT thực hiện 8 lớp với 270 học sinh.

Bậc mầm non, 100% các trường mầm non tổ chức tốt công tác bán trú (trong đó có 6 trường tổ chức nấu ăn tại trường, 9 trường tổ chức theo hình thức bán trú dân nuôi); cấp tiểu học hoàn thành chương trình: 7.140 học sinh, chưa hoàn thành: 44 học sinh; cấp THCS đánh giá, xếp loại 4.737 học sinh, (hạnh kiểm tốt 3.320/4.737 học sinh=70,1%, học lực: giỏi 286/4737 học sinh= 6%), xét tốt nghiệp THCS 1.088/1.088=100%; cấp THPT đánh giá xếp loại hạnh kiểm tốt: 1.197/1.496=80.0%, xếp loại học lực giỏi: 106/1.496=7.1% các chỉ tiêu kế hoạch đề ra cơ bản được triển khai thực hiện và đạt kết quả tốt. Đã có 58/63 giáo viên mầm non được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện thông qua hội thi; lựa chọn được 04 học sinh đạt giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện².

5.2. Y tế

Việc triển khai thực hiện các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã được chỉ đạo triển khai thực hiện ngay từ đầu năm; mạng lưới y tế được củng cố, phát triển đã tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận dịch vụ y tế; cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được cải thiện tạo điều kiện phục vụ người bệnh. Toàn huyện có 6/11 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (dự kiến năm 2018 sẽ có thêm 2 xã); 11/11 xã có trạm y tế và có bác sỹ làm việc; 187/196 thôn bản có nhân viên y tế hoạt động thường xuyên; 05 cơ sở hành nghề y tư nhân; 26 đại lý, nhà thuốc, quầy thuốc tư nhân. Công tác xã hội hoá y tế ngày càng tiến bộ, nhất là khu trung tâm huyện Quỳnh Nai.

Công tác khám, chữa bệnh bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện được thực hiện tốt, công tác khám, chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi được đặc biệt quan tâm; chất lượng khám chữa bệnh có những chuyển biến tích cực, tinh thần và thái độ phục vụ người bệnh luôn được nâng cao; các cơ sở y tế ước thực hiện khám bệnh cho 106.467 lượt người, trong đó tuyến huyện ước thực hiện khám 47.300 lượt người, đạt 83,7% kế hoạch, bằng 92 % so với cùng kỳ; tuyến xã ước thực hiện khám 50.000 lượt người đạt 100% KH, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2017. Tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú tuyến huyện ước đạt 10.099 người, bằng 100% kế hoạch, tăng 9% so với cùng kỳ. Công tác vận động nhân dân tham gia Bảo hiểm y tế được chú trọng, có 64.533 người đóng bảo hiểm y tế, đạt 96,85% tổng số dân số trên địa bàn (kế hoạch năm 2018 là 94%).

Công tác y tế dự phòng: Công tác phòng, chống dịch bệnh được tăng cường; chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Tăng cường giám sát các ổ dịch cũ, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các trường hợp

² Báo cáo số 922 /BC-UBND ngày 26/11/2018 về Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2018 kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của UBND huyện Quỳnh Nai.

mắc một số bệnh truyền nhiễm; một số dịch bệnh giảm mạnh so với cùng kỳ như quai bị (giảm 96,2%), cúm (giảm 88%), viêm gan virus (giảm 42,9%)... Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm được chú trọng, thường xuyên kiểm tra tại cơ sở sản xuất thực phẩm, các nhà hàng, bếp ăn của các trường học, tập trung vào các đợt cao điểm như Tết Nguyên đán, Lễ hội Đua thuyền truyền thống tháng giêng năm 2018. Tổng số cơ sở được kiểm tra, giám sát là 238/439 cơ sở, đạt 54,2%; số cơ sở đạt yêu cầu là 165/238, đạt 69,3%; số cơ sở sai phạm 73/238, chiếm: 30,7%, phạt tiền 23/73 cơ sở sai phạm, tổng số tiền phạt 36.150.000đ . Trên địa bàn huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm.

5.3. Văn hóa - thể dục thể thao và du lịch

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi nổi rộng khắp trong cộng đồng dân cư; công tác luyện tập, tham dự các hội thi, hội diễn quan tâm đầy mạnh như phối hợp với Trung tâm Văn hóa tỉnh, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh tổ chức ghi hình Gameshow "Về bản em"; cử đoàn tham gia "Liên hoan nghệ thuật hát Then - đàn tính các dân tộc Tày - Nùng - Thái toàn quốc lần thứ VI năm 2018" tại Hà Giang, kết quả đạt 02 Giải A; tham gia các phần thi của Tuần Văn hóa - Du lịch tỉnh Sơn La tổ chức tại Mộc Châu với các nội dung trình diễn trang phục dân tộc và trình diễn văn hóa cộng đồng kết quả đạt được: Giải A trình diễn trang phục dân tộc, giải nhất trình diễn trang phục nguyên bản, giải nhì thi thuyết trình văn hóa - du lịch, giải A trình diễn văn hóa cộng đồng. Tổ chức thành công Lễ hội Gội đầu truyền thống và Tuần Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2018 thu hút trên 32.000 lượt khách. Phối hợp Ban văn nghệ Đài truyền hình Việt Nam sản xuất phim: Hành trình di sản "Non nước Quỳnh Nhai"...

Phong trào thể dục trong cộng đồng dân cư phát triển mạnh thu hút đủ các loại hình lứa tuổi tham gia, nhất là khu vực đô thị. Sân chơi thể thao được quan tâm phát triển rộng rãi tại từng khu vực dân cư, các môn thể thao quần chúng mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc được duy trì, các môn thể thao hiện đại được quan tâm phát triển. Các hội thi thể dục thể thao được huyện đầu tư tổ chức cũng như cử các đoàn vận động viên tham dự hội thi do tỉnh tổ chức đều đạt kết quả tốt, như: đoàn vận động viên tham gia đại hội thể dục thể thao toàn tỉnh lần thứ VIII, năm 2018 đạt 01 huy chương bạc, 01 huy chương đồng; tham gia giải cầu lông Trung cao tuổi tỉnh Sơn La tổ chức tại huyện Bắc Yên đạt 01 huy chương đồng; tổ chức thành công ngày hội thể thao các dân tộc chào mừng 73 năm ngày Cách mạng tháng tám thành (19/8/1945 - 19/8/2018) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2018) với 03 môn thi đẩy gậy, ném còn, bắn nỏ. Từ những kết quả đã đó khích lệ tinh thần vận động viên và phát triển phong trào luyện tập thể dục thể thao của huyện ngày càng đi lên.

Toàn huyện đã có 141 bản có nhà văn hoá trong đó nhà văn hoá cấp huyện 01 nhà; Nhà văn hóa cấp xã 11 nhà; Số bản có nhà văn hoá 129 nhà. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá phát triển mạnh, đến năm 2018 số hộ gia đình được công nhận đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 70,40%. Bản, tổ, tiểu khu văn hoá 100 đạt 55,1%. Tỷ lệ gia đình thể thao 20%, tỷ lệ số người thường xuyên tham gia hoạt động thể thao 24%.

Hoạt động dịch vụ văn hóa, du lịch: Du lịch trên địa bàn huyện ngày càng phát triển dựa trên thế mạnh về văn hóa và thắng cảnh tự nhiên, các sản phẩm du lịch đã đa dạng hơn, người dân đã tích cực tham gia vào các hoạt động phát triển du lịch, UBND huyện đã đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá văn hóa, du lịch huyện Quỳnh Nai đến nhiều địa phương trong và ngoài tỉnh, thu hút đông đảo người dân và du khách thập phương. Cả năm có khoảng 65.300 lượt khách du lịch, trong đó có 510 lượt khách quốc tế đến tham quan, du lịch tại huyện.

6. An ninh - Quốc phòng

Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương theo kế hoạch. Duy trì nghiêm chế độ trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng chống thiên tai... Triển khai thực hiện các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tổ chức bàn giao 85 công dân nhập ngũ cho các đơn vị theo đúng chỉ tiêu được giao. Rà soát ổn định biên chế lực lượng thường trực sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai cho các đơn vị cơ sở kiểm tra, rà soát củng cố, đăng ký, quản lý chặt chẽ lực lượng DQTV và DBĐV. Công tác tập huấn, huấn luyện cho lực lượng thường trực, dự bị động viên và bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng - An ninh được quan tâm. Chỉ đạo Ban CHQS huyện hiệp đồng với các đơn vị liên quan thực hiện diễn tập chiến đấu phòng thủ tại xã Mường Sại và Nậm Ét đạt loại giỏi. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương trên một số mặt công tác cụ thể như sau:

- Về thực hiện công tác huấn luyện, xây dựng chính quy, quản lý kỷ luật: Tổ chức ra quân huấn luyện năm 2018 được 185 người, huấn luyện chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu 33 người, huấn luyện cho quân nhân dự bị 83/87 người với thời gian biểu là 15 ngày đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và vũ khí trang bị.

- Về công tác dân quan tự vệ và giáo dục quốc phòng an ninh: Chỉ đạo 31/31 cơ sở DQTV tổ chức huấn luyện đạt 1.401/1.423 người, cử 04 đồng chí cán bộ đối tượng 2 tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh tại Trường quân sự Quân khu 2, cử 50 đồng chí cán bộ đối tượng 3 tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh tại Trường quân sự tỉnh Sơn La, mở 01 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh tại huyện cho 70 đồng chí đối tượng 4, chỉ đạo Hội đồng GDQP và AN 11 xã mở 11 lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh tại 11 xã cho 330 đồng chí.

Tình hình an ninh chính trị nội bộ tiếp tục được giữ vững và ổn định, ý thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, từ huyện đến cơ sở trong công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ được nâng cao, không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu tác động, thâm nhập nội bộ; hoạt động tôn giáo cơ bản ổn định, chưa phát hiện đối tượng lợi dụng tôn giáo để hoạt động vi phạm pháp luật; tình hình tranh chấp đất đai với các địa bàn giáp ranh huyện Thuận Châu và các huyện của tỉnh Điện Biên, Lai Châu năm 2018 không có phát sinh mới; tình hình đơn thư, khiếu kiện năm 2018 không xảy ra khiếu kiện phức tạp, kéo dài hoặc tụ tập đông người. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo lực lượng Công an huyện và các đơn vị, UBND các xã chủ động triển khai các biện pháp nắm chắc tình hình an ninh chính trị nội bộ, sinh hoạt tôn giáo, tranh chấp đất đai, tình hình đơn thư, khiếu kiện, xuất, nhập cảnh trái phép... để kịp thời tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp giải quyết ổn định các vấn đề liên quan đến an ninh trật tự ngay tại cơ sở.

Tình hình trật tự an toàn xã hội: Trong năm 2018 tổng cộng xảy ra 142 vụ, việc (tăng 08 vụ, việc so với năm 2017). Công an huyện đã điều tra, xác minh làm rõ 134 vụ (đạt 94,4%), lập hồ sơ xử lý 181 đối tượng. Cụ thể: Phạm pháp về TTXH: Xảy ra 40 vụ (giảm 01 vụ so với năm 2017), đã điều tra làm rõ 40/40 vụ (đạt 100%), xử lý 74 đối tượng, trọng án điều tra làm rõ 01 vụ (100%); tội phạm về ma túy: phát hiện, bắt giữ 33 vụ, 51 đối tượng (tăng 8 vụ so với năm 2017), thu giữ: 223,36 gam hêrôin, 54413 viên ma túy tổng hợp (5036,1 gam), 41,12 gam nhựa thuốc phiện, khởi tố 31 vụ, 40 đối tượng, xử lý hành chính 06 đối tượng, chuyển Công an tỉnh 01 vụ, 04 đối tượng, đang điều tra 01 vụ, 01 đối tượng, phát hiện, triệt xóa 960 m² cây thuốc phiện tại khu vực Khau Co Nghen, xã Mường Chiên; Vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, chức vụ: Phát hiện, xử lý 47 vụ (giảm 01 so với năm 2017), đã điều tra làm rõ 39 vụ, xử lý 39 đối tượng, khởi tố 01 vụ, 01 đối tượng; Vi phạm pháp luật về môi trường: Phát hiện, xử lý 16 vụ, 16 đối tượng (tăng 5 vụ so với năm 2017), xử lý hành chính 02 vụ, 02 đối tượng, xử phạt 9 triệu đồng; tai nạn, va chạm giao thông: Xảy ra 01 vụ, làm 01 người chết, (giảm số vụ (1/2), và số người bị thương (0/2), bằng số người chết so với cùng kỳ năm 2017), xử lý 133 trường hợp, xử phạt 134.870.000 đồng, tước giấy phép lái xe có thời hạn 48 trường hợp, tạm giữ 28 phương tiện (07 xe ô tô; 21 xe mô tô). Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các lực lượng chức năng thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Những thuận lợi cơ bản

- Luôn được Đảng, Chính phủ, tỉnh quan tâm ban hành các chính sách ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho các tỉnh miền núi và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Giao thông đã được đầu tư nâng cấp; nhiều dự án, các chương trình của UBND huyện Quỳnh Nhai

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Trung ương, của tỉnh và huyện tiếp tục được triển khai đầu tư là cơ hội lớn để huyện phát triển kinh tế - xã hội.

- Quỳnh Nhai có vị trí địa lý khá thuận lợi, nằm dọc Quốc lộ 6B, Quốc Lộ 279, là đầu mối giao thông quan trọng giao lưu trao đổi hàng hoá giữa tỉnh Sơn La với tỉnh Lai Châu.

- Có diện tích vùng ngập lòng hồ thủy điện lớn là tiềm năng phát triển du lịch và nuôi cá lồng.

- Có lực lượng lao động tương đối dồi dào, tình hình trật tự an ninh xã hội ổn định, nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết.

- Nguồn tài nguyên đất đai lớn, diện tích đất có khả năng khai thác cho mục đích nông lâm nghiệp được khai thác triệt để và có hiệu quả bằng việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất tạo ra giá trị hàng hoá cao trên một đơn vị diện tích.

- Khí hậu thuận lợi cho phép phát triển nhiều loại cây trồng hàng hoá có giá trị kinh tế cao, thâm canh, gối vụ... đảm bảo lương thực và nâng cao thu nhập cho người dân.

2. Những hạn chế, khó khăn

- Kết cấu hạ tầng vẫn còn thiếu và yếu chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; diện tích đất canh tác nông nghiệp ngày càng bạc màu, xói mòn, thiếu nước; tính liên kết giữa các doanh nghiệp, hợp tác xã, nhóm hộ còn thấp; việc tiếp cận, phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất của nhân dân vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế...

- Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa tạo ra các vùng sản xuất tập trung; giá cả nông sản không ổn định; tác động của mưa, bão, lốc xoáy ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng các loại nông sản trên địa bàn; ứng dụng công nghệ cao vào các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm còn hạn chế; việc tổng kết, nhân rộng các mô hình sản xuất còn chậm.

- Là huyện nghèo về nguồn tài nguyên khoáng sản lại phân bố rải rác làm hạn chế phát triển công nghiệp khai thác.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa vững chắc và tương xứng với tiềm năng của huyện; số lượng và chất lượng chưa cao; quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội bộ một số ngành còn chậm; giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đất canh tác còn thấp, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa thấp.

- Công tác đầu tư xây dựng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và vững chắc; tiến độ triển khai một số dự án trọng điểm còn gặp khó khăn, vướng mắc do chưa bố trí được nguồn vốn để triển khai thực hiện.

- Chất lượng nguồn lao động thấp, chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo về trình độ kỹ thuật.

- Chất lượng giáo dục đào tạo chưa cao, cơ sở vật chất thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và học tập còn nhiều khó khăn; chất lượng khám chữa bệnh

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

cho người dân chưa cao, trình độ chuyên môn y tế chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng và trang thiết bị phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh ở tuyến cơ sở còn thấp.

- Công tác quản lý nhà nước ở một số cơ quan, UBND xã còn hạn chế, tính chủ động, quyết liệt trong giải quyết công việc chưa cao; công tác chấp hành chế độ thông tin, báo cáo của một số thủ trưởng, chủ tịch UBND xã, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn chưa được chấp hành theo quy định.

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tuy được giữ vững, nhưng vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định như: tình trạng tranh chấp đất đai; vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, sử dụng ma túy; di cư tự do, học và truyền đạo trái phép; tai nạn giao thông; đời sống của một bộ phận đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng cao còn gặp nhiều khó khăn. Công tác xóa đói, giảm nghèo và công tác định canh, định cư trên địa bàn huyện chưa bền vững.

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc tại các điểm tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính với huyện Thuận Châu, huyện Mường La tỉnh Sơn La và tỉnh Điện Biên, tỉnh Lai Châu.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018

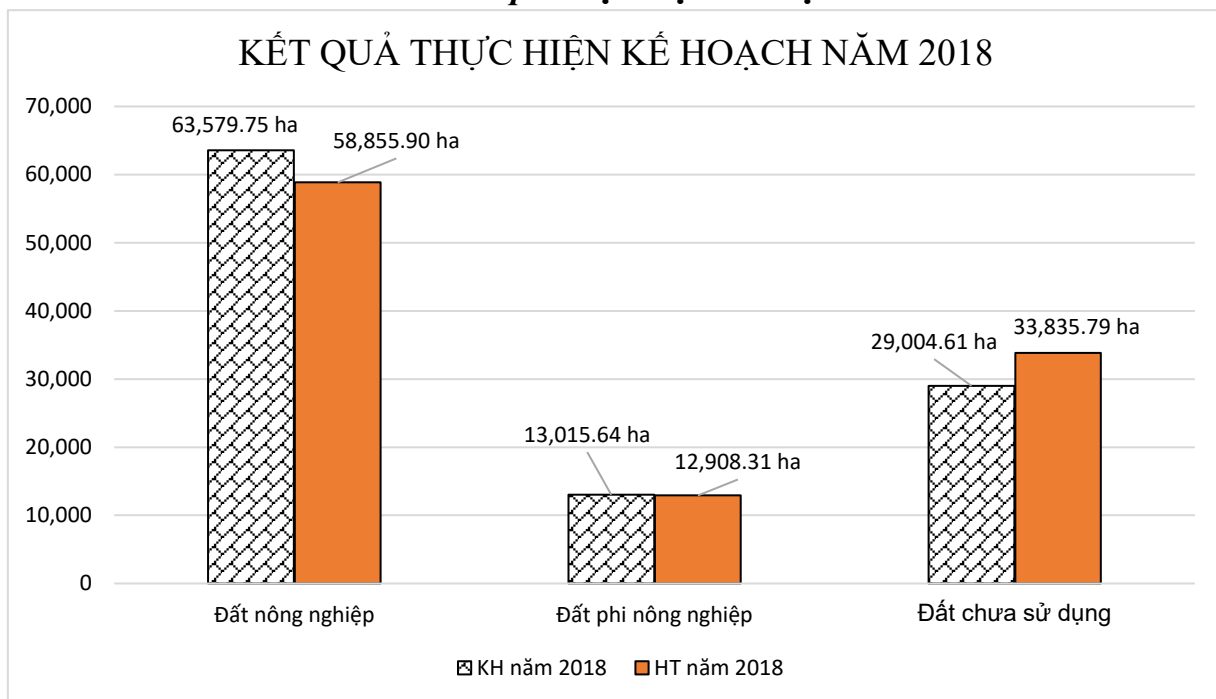
1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2018.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Quỳnh Nhai đã được phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/03/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Sau khi được duyệt UBND huyện Quỳnh Nhai đã triển khai thực hiện việc giao đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về đất đai năm 2018 được thể hiện như sau:

Biểu đồ số 1: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018



1.1.1. Đất nông nghiệp

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 58.855,90/63.579,75 ha, đạt 92,57%, giảm 4.723,85 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- Đất trồng lúa: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 2.173,02/2.117,66 ha, đạt 102,61% kế hoạch được duyệt. Trong đó:

+ Đất chuyên trồng lúa nước: Diện tích kế hoạch sử dụng đất năm 2018 là 494,01/508,27, đạt 97,19% kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt nguyên nhân do một số công trình thủy lợi dự kiến triển khai xây dựng trong năm 2018 (*Thủy lợi bản Tâu xã Pá Ma pha khinh, thủy lợi bản Đúc xã Chiềng Khoang, thủy lợi bản Lóng + bản Trạ...*), chưa thực hiện hoặc đang triển khai, do vậy diện tích đất trồng lúa một vụ chuyển sang đất trồng lúa hai vụ

không được thực hiện đúng theo kế hoạch. Trong năm kế hoạch 2019 có nhu cầu chuyển tiếp 10,0 ha đất trồng lúa nước còn lại sang đất chuyên trồng lúa.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 13.870,65/13.730,90 ha, đạt 101,02 %, tăng 139,75. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch dự kiến triển khai chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm khác sang đất trồng cây lâu năm và sang các mục đích phi nông nghiệp chưa thực hiện được nên diện tích tăng so với kế hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 2.201,01/2.321,76 ha, đạt 94,80%, giảm 120,75 ha. Nguyên nhân do trong kế hoạch 2018 xác định đưa diện tích đất trồng cây hàng năm khác sang cho mục đích trồng cây ăn quả lâu năm nhưng chưa được thực hiện. Trong năm kế hoạch 2019 có nhu cầu chuyển tiếp 100,0 ha đất trồng cây hàng năm khác sang đất trồng cây lâu năm.

- Đất rừng phòng hộ: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 25.072,42/25.549,48 ha, đạt 98,13%. Nguyên nhân do trong năm 2018 UBND huyện đã tiến hành rà soát, thống kê lại diện tích đất rừng (Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh Sơn La và tờ trình 213/TTr-UBND ngày 30/8/2018 của UBND huyện Quỳnh Nhai đề nghị cập nhật bổ sung số liệu rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai).

- Đất rừng sản xuất: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 15.383,78/19.656,88 ha, đạt 78,26%. Nguyên nhân do trong năm 2018 UBND huyện đã tiến hành rà soát, thống kê lại diện tích đất rừng (Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh Sơn La và tờ trình 213/TTr-UBND ngày 30/8/2018 của UBND huyện Quỳnh Nhai đề nghị cập nhật bổ sung số liệu rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai).

- Đất nuôi trồng thủy sản: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 149,40/197,45 ha, đạt 75,66%. Nguyên nhân do trong kế hoạch năm 2018 chuyển đổi diện tích đất chuyên trồng lúa nước và đất trồng cây hàng năm khác sang đất nuôi trồng thủy sản nhưng chưa được thực hiện.

- Đất nông nghiệp khác: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 5,62/5,62 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt.

1.1.2. Đất phi nông nghiệp

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 12.908,31/13.015,64 ha, đạt 99,18%. Nguyên nhân do một số công trình dự kiến triển khai trong năm 2018 nhưng chưa bố trí được nguồn vốn để thực hiện. Mặt khác một số công trình mới bắt đầu triển khai thực hiện có diện tích lớn, nhiều hạng mục, thời gian thực hiện dài nên cần tiếp tục chuyển tiếp để thực hiện trong các năm tiếp theo. Cụ thể:

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Đất quốc phòng: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 24,83/26,29 ha, đạt 94,45%. Nguyên nhân do trong năm 2018 chưa triển khai thực hiện được dự án trận địa súng máy 12,7mm tại xã Mường Giàng.

- Đất an ninh: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 1,04/1,04 ha, đạt 100%.

- Đất thương mại, dịch vụ: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 1,68/2,15 ha, đạt 78,14%, giảm 0,47 ha. Nguyên nhân do trong năm 2018 chưa thực hiện dự án khu thương mại dịch vụ xóm 1 xã Mường Giàng, kế hoạch năm 2019 chuyển sang để thực hiện san nền đấu giá đất ở.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 12,98/14,28 ha, đạt 90,90%, giảm 1,30 ha. Nguyên nhân do dự án nhà máy may ở phiêng nên mới thu hồi được 2,88 ha còn lại 1,39 ha có nhu cầu chuyển tiếp sang năm 2019 và chưa đấu giá được kho lương thực cũ xã Chiềng Khoang 0,09 ha nên phần diện tích này đưa về hiện trạng để chuyển tiếp sang năm 2019.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 4,10/4,10 ha, đạt 100%.

- Đất phát triển hạ tầng: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 625,45/671,69 ha, đạt 93,12%, giảm 46,24. Nguyên nhân do một số công trình trong kế hoạch năm 2018 dự kiến triển khai nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện. Bao gồm các chỉ tiêu sau:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 11,20/11,20 ha, đạt 100%.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 5,80/5,71ha, đạt 101,58%, tăng 0,09 ha. Nguyên nhân do trong năm 2018 đang triển khai đấu giá đất ở khu trạm y tế xã Mường Giôn, Khu trung tâm xã Mường Giàng (Ngã ba đi vào UBND xã Mường Giàng), trong kế hoạch năm 2019 có nhu cầu chuyển tiếp để thực hiện đấu giá.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 53,91/53,79 ha, đạt 100,22%, tăng 0,12 ha. Nguyên nhân do trong năm 2018 dự kiến đấu giá trường mầm non cũ xã Chiềng khoang nhưng chưa thực hiện được nên diện tích đất cơ sở giáo dục tăng so với kế hoạch được duyệt.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 6,83/6,83 ha, đạt 100%.

+ Đất giao thông: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 470,11/514,43 ha, đạt 91,38%, giảm 44,32 ha. Nguyên nhân do một số công trình trong kế hoạch năm 2018 đang triển khai nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện: Cầu kết cấu thép trung tâm xã Mường Giôn; Mở mới đường trung tâm xã

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Mường Giôn; Đường tỉnh lộ 107 - bản Cọ xã Nậm Ét; Đường giao thông bản Lý xã Chiềng Khoang – xã Phông Lái huyện Thuận Châu;... Trong kế hoạch năm 2019 có nhu cầu chuyển tiếp để thực hiện.

+ Đất thủy lợi: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 65,23/66,06 ha, đạt 98,74%, giảm 0,83 ha. Nguyên nhân do một số công trình trong kế hoạch năm 2018 dự kiến triển khai nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện: Công trình thủy lợi bản Giang Lò xã Cà Nàng; Nâng cấp, mở rộng hệ thống kênh mương Chiềng Khoang (công trình thủy lợi bản Đúc); Thủy lợi bản Tậu xã Pá Ma Pha Khinh;...

+ Đất công trình năng lượng: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 8,32/9,32 ha, đạt 89,27%, giảm 1,0 ha. Nguyên nhân do một số công trình trong kế hoạch năm 2018 dự kiến triển khai nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện: Cấp điện sinh hoạt cho các hộ bản Phiêng Luông xã Chiềng Bằng; Điện sinh hoạt bản Co Que xã Chiềng Khay.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 1,01/1,01 ha, đạt 100%.

+ Đất chợ: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 3,04/3,34 ha, đạt 91,02%, giảm 0,30 ha. Nguyên nhân do công trình chợ trung tâm xã Pá Ma Pha Khinh trong kế hoạch năm 2018 đang triển khai thực hiện có nhu cầu chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2019.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 1,50/1,50 ha, đạt 100%.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 3,47/3,47 ha, đạt 100%.

- Đất ở tại nông thôn: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 445,68/501,71 ha, đạt 88,83%, giảm 56,03 ha. Nguyên nhân do một số công trình trong kế hoạch năm 2018 dự kiến triển khai nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện như: San nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu Kho lương thực trung tâm Chiềng Khoang (đấu giá đất ở); Đấu giá đất ở trung tâm xã Chiềng Ôn;... Diện tích chuyển mục đích đất ở tại các xã chưa thực hiện được. **Bên cạnh đó một số dự án chuyển tiếp sang năm 2019 sẽ bóc tách các hạng mục công trình đảm bảo quy định tại Thông tư số 28/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường như: Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá bản Bon, xã Mường Chiên (Hạng mục khu đất ở 3,12 ha, hạng mục hệ thống giao thông 2,88 ha), xây dựng điểm TĐC Huổi Khinh 1,2 xã Chiềng Ôn (Hạng mục khu đất ở 4,98 ha, hạng mục hệ thống giao thông 8,15 ha, hạng mục hệ thống điện sinh hoạt 0,04 ha, hạng mục lớp học mầm non 1,53 ha, hạng mục nhà văn hóa 0,10 ha, hạng mục đất nghĩa trang, nghĩa địa 4,37 ha), san nền và**

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

các hạng mục phụ trợ khu TTX Mường Giôn (Hạng mục khu đất ở 3,85 ha, hạng mục hệ thống giao thông 3,05 ha) .

- Đất ở tại đô thị: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 35,06/36,35 ha, đạt 96,45%, giảm 1,29 ha. Nguyên nhân do một số công trình, dự án đấu giá đất ở khu trung tâm huyện đang triển khai như: Đấu giá đất ở lô ODH-81 Khu đất Phiêng Nèn, Đấu giá đất ở khu X8, xã Mường Giàng (23 lô còn lại).... đang thực hiện, có nhu cầu chuyển tiếp sang năm 2019 để đấu giá.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 18,40/18,16 ha, đạt 101,32%. Nguyên nhân do đang triển khai dự án khắc phục sạt lở dự án san nền tạo quỹ đất đấu giá tại trụ sở UBND xã Mường Giôn cũ, có nhu cầu chuyển tiếp sang năm 2019 để thực hiện.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 0,20/0,20 ha, đạt 100%.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 245,52/245,52 ha, đạt 100%.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 5,73/5,73 ha, đạt 100%.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 10,77/11,07 ha, đạt 97,29%, giảm 0,30 ha. Nguyên nhân do một số công trình trong kế hoạch năm 2018 dự kiến triển khai nhưng chưa bố trí được nguồn vốn thực hiện: Nhà văn hóa bản Hán B, xã Chiềng Khoang; Nhà văn hóa bản Hua Tát, xã Mường Giàng; Nhà văn hóa bản Nhả Sày xã Mường Sại....

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 5,28/5,28 ha, đạt 100%.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 4,60/4,60 ha, đạt 100%.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 436,67/436,67 ha, đạt 100%.

- Đất có mặt nước chuyên dùng: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 11.024,68/11.024,68 ha, đạt 100%.

- Đất phi nông nghiệp khác: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 0,67/1,15 ha, đạt 58,26%. Nguyên nhân do đang thực hiện khắc phục sạt lở dự án san nền tạo quỹ đất tại trụ sở UBND xã Mường Giôn cũ, trong kế hoạch năm 2019 có nhu cầu chuyển tiếp để thực hiện.

1.1.3. Đất chưa sử dụng

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018 là 33.835,79/29.004,61 ha, đạt 116,66%. Nguyên nhân do diện tích đất chưa sử dụng được đưa vào khoanh nuôi, trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đưa vào sử dụng cho mục đích trồng cây hàng

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

năm, cây lâu năm, chuyển sang mục đích phi nông nghiệp nhưng chưa bố trí được nguồn vốn để thực hiện.

1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018

Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 bao gồm:

- Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp:

+ Đất trồng lúa trong kế hoạch năm 2018 dự kiến chuyển 18,52 ha, thực hiện 2,59 ha, đạt 14,01%. Trong đó đất chuyên trồng lúa nước trong năm kế hoạch dự kiến chuyển 5,29 ha, thực hiện 1,59 ha, đạt 8,57%;

+ Đất trồng cây hàng năm khác trong kế hoạch năm 2018 dự kiến chuyển 41,28 ha, thực hiện 13,96 ha, đạt 33,83%;

+ Đất trồng cây lâu năm trong kế hoạch năm 2018 dự kiến chuyển 22,20 ha, thực hiện 5,00 ha, đạt 22,54%;

+ Đất rừng sản xuất trong kế hoạch năm 2018 dự kiến chuyển 0,05 ha, thực hiện 0,04 ha, đạt 85,04%;

+ Đất rừng phòng hộ trong kế hoạch năm 2018 dự kiến chuyển 37,15 ha, thực hiện 1,50 ha, đạt 4,04%;

+ Đất nuôi trồng thủy sản trong kế hoạch năm 2018 dự kiến chuyển 0,86 ha, thực hiện 0,48 ha, đạt 55%.

- Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:

+ Đất trồng lúa trong kế hoạch năm 2018 dự kiến chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản là 23,50 ha. Tuy nhiên chưa thực hiện được;

+ Đất trồng cây hàng năm khác trong kế hoạch năm 2018 dự kiến chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản là 25,10 ha. Tuy nhiên chưa thực hiện được;

- Diện tích đất phi nông nghiệp không phải đất ở trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 chuyển sang đất ở là 0,57 ha, thực hiện 0,01 ha, đạt 1,75%.

2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 được duyệt có 40 chỉ tiêu. Cụ thể:

- Chỉ tiêu thực hiện đạt dưới 90% có 6 chỉ tiêu, trong đó:

+ Đất rừng sản xuất đạt 78,26%;

+ Đất nuôi trồng thủy sản đạt 75,66%;

+ Đất thương mại, dịch vụ đạt 78,14%;

+ Đất công trình năng lượng đạt 89,27%;

+ Đất ở tại nông thôn đạt 88,83%;

+ Đất phi nông nghiệp khác đạt 58,26%;

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Chỉ tiêu thực hiện đạt từ 90% - 100% có 28 chỉ tiêu:
 - + Đất nông nghiệp đạt 92,57%;
 - + Đất chuyên trồng lúa nước đạt 97,19%;
 - + Đất trồng cây lâu năm đạt 94,80%;
 - + Đất rừng phòng hộ đạt 98,13%;
 - + Đất nông nghiệp khác đạt 100%;
 - + Đất phi nông nghiệp đạt 99,17%;
 - + Đất quốc phòng đạt 94,45%;
 - + Đất an ninh đạt 100%;
 - + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đạt 90,90%;
 - + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đạt 100%;
 - + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt 93,12%;
 - + Đất xây dựng cơ sở văn hóa đạt 100%;
 - + Đất xây dựng cơ sở TDTT đạt 100%;
 - + Đất giao thông đạt 91,38%;
 - + Đất thủy lợi đạt 98,74%;
 - + Đất công trình bưu chính viễn, thông đạt 100%;
 - + Đất chợ đạt 91,02%;
 - + Đất có di tích lịch sử - văn hóa đạt 100%;
 - + Đất bãi thải, xử lý chất thải đạt 100%;
 - + Đất ở tại đô thị đạt 96,45%;
 - + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp đạt 100%;
 - + Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng đạt 100%;
 - + Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm đạt 100%;
 - + Đất sinh hoạt cộng đồng đạt 97,29%;
 - + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng đạt 100%;
 - + Đất cơ sở tín ngưỡng đạt 100%;
 - + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối đạt 100%;
 - + Đất có mặt nước chuyên dùng đạt 100%;
- Chỉ tiêu thực hiện trên 100% có 6 chỉ tiêu:
 - + Đất trồng lúa đạt 102,61%;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác đạt 101,02%;
 - + Đất xây dựng cơ sở y tế đạt 101,58%;
 - + Đất xây dựng cơ sở giáo dục – đào tạo đạt 100,22%;
 - + Đất xây dựng trụ sở cơ quan đạt 101,32%;
 - + Đất chưa sử dụng đạt 116,66%.

Số công trình dự án thực hiện theo kế hoạch:

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 được duyệt có 79 công trình được duyệt, trong đó đã thực hiện xong 16 công trình, hủy bỏ 5 công trình, đang triển khai thực hiện 9 công trình. Còn 49 công trình chưa thực hiện. Trong đó 58 công trình có nhu cầu sử dụng đất chuyển tiếp sang năm 2019.

(Chi tiết xem Phụ biểu 03/CH kèm theo báo cáo)

3. Đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018

- Đất đai có nguồn gốc rất phức tạp, là lĩnh vực rất nhạy cảm, liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân. Mặt khác nhận thức của một số bộ phận người dân, tổ chức sử dụng đất về chính sách pháp luật còn hạn chế, thiếu hợp tác trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, gây nhiều khó khăn làm chậm triển khai nhiều dự án đầu tư.

- Việc tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có nơi chưa được thực hiện nghiêm túc. Tình trạng người sử dụng đất vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn xảy ra.

- Một số hạng mục công trình trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2018 đã được thực hiện nhưng chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng phải lùi tiến độ thực hiện.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức còn chủ quan, không theo kế hoạch nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

- Chưa chủ động về nguồn vốn đầu tư thực hiện các công trình đã đăng ký trong phương án kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

- Trong thời gian thực hiện kế hoạch được duyệt, còn phát sinh thêm dự án không có trong nhu cầu sử dụng đất khi xây dựng phương án kế hoạch đã làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu thực hiện quy hoạch;

- Việc quản lý, cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai còn tồn tại nhiều bất cập vì vậy quá trình xác minh nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất phục vụ cho việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn gặp nhiều khó khăn.

Phần thứ ba

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG NĂM 2019

1. Chỉ tiêu kinh tế năm 2019

- Diện tích cây lương thực có hạt 6.330 ha (*trong đó lúa chiêm xuân 750 ha, lúa mùa 1.380 ha, lúa nương 1.100 ha, ngô 3.100 ha*).
- Tổng đàn trâu 12.690 con; đàn bò 22.410 con; đàn lợn 36.000 con; đàn dê 21.610 con; đàn gia cầm 275.500 con.
- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản (*ao, lồng hồ*) đạt 275 ha; tổng sản lượng nuôi trồng và đánh bắt thủy sản đạt 2.150 tấn.
- Phát triển trồng mới cây ăn quả (*theo Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh*): 100 ha.
- Thu ngân sách trên địa bàn 30,8 tỷ đồng.

2. Chỉ tiêu phát triển xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo $\leq 17,5\%$;
- Số lao động được đào tạo, tập huấn đạt 4.000 người;
- Giải quyết việc làm mới trong năm là 500 người;
- Số giường bệnh/10.000 dân đạt 20 giường;
- Số bác sỹ/10.000 dân đạt 8 bác sỹ;
- Xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế 1 xã;
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,39%;
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi 17%;
- Tỷ lệ hộ được dùng điện sinh hoạt đạt 94%;
- Tỷ lệ hộ xem được Đài Truyền hình Việt Nam đạt 92%;
- Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá 71%;
- Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia từ 06 trường;
- 100% cơ quan đơn vị, trạm y tế, trường học đạt tiêu chuẩn không có ma túy;
- Xây dựng nông thôn mới: 1 xã đạt 15 - 19 tiêu chí.

3. Chỉ tiêu về môi trường

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh 95%, dân cư đô thị được dùng nước sạch 95%
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom đạt 60%; đạt 96% ở đô thị.
- Tỷ lệ che phủ rừng: 39,5%.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019

1. Chỉ tiêu phân bổ sử dụng đất

Trên cơ sở chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Sơn La phân bổ cho huyện Quỳnh Nhai tại Công văn số 4214/UBND-KT ngày 21/12/2016, UBND huyện Quỳnh Nhai đã xây dựng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất năm 2017 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 945/QĐ-UBND ngày 17/4/2017. Cụ thể như sau:

- Nhóm đất nông nghiệp : 76.123,57 ha, trong đó:

+ Đất trồng lúa: 2.074,30 ha.

Trong đó đất chuyên trồng lúa nước 571,60 ha

+ Đất trồng cây hàng năm khác: 13.388,40 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: 2.096,70 ha;

+ Đất rừng phòng hộ : 33.612,10 ha;

+ Đất rừng sản xuất: 24.632,20 ha;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: 290,12 ha;

- Nhóm đất phi nông nghiệp: 17.824,64 ha, trong đó:

+ Đất quốc phòng: 393,10 ha;

+ Đất an ninh : 0,82 ha;

+ Đất cụm công nghiệp: 10,00 ha;

+ Đất thương mại dịch vụ: 1,60 ha;

+ Đất cơ sở SX phi nông nghiệp : 18,30 ha;

+ Đất hoạt động khoáng sản: 57,50 ha;

+ Đất phát triển hạ tầng: 738,30 ha;

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa : 0,60 ha;

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: 27,60 ha;

+ Đất ở tại nông thôn: 1.035,70 ha;

+ Đất ở tại đô thị: 41,40 ha;

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 18,30 ha;

+ Đất XD trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,70 ha;

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 256,5 ha;

+ Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm: 6,90 ha;

+ Đất sinh hoạt cộng đồng : 10,30 ha;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 3,85 ha;

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: 5,00 ha;

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 433,47 ha;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: 15.309,10 ha;

+ Đất phi nông nghiệp khác: 6,50 ha.

- Đất chưa sử dụng: 11.651,77 ha.

2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất đai của các ngành được xác định căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu phát triển của từng ngành, khả năng đầu tư trong các giai đoạn và quỹ đất hiện có của địa phương (*số lượng và đặc điểm tài nguyên đất đai*). Các ngành tự dự báo nhu cầu sử dụng đất của mình sẽ phù hợp hơn. Nhưng ngược lại, mang tính phiến diện, cục bộ, dễ bị chông chéo mục đích sử dụng giữa các ngành trên cùng một khu đất.

Nhiệm vụ của kế hoạch sử dụng đất đai là căn cứ vào dự báo nhu cầu sử dụng đất đai của các ngành sẽ tổng hợp, kiểm tra chỉnh lý, điều hòa và cân đối quỹ đất trong nội bộ các ngành (*nông nghiệp, phi nông nghiệp*) và giữa các ngành (*theo mục đích sử dụng*) tùy theo đặc điểm quỹ đất hiện có của địa phương.

2.1. Xác định chỉ tiêu sử dụng đất năm 2018, chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2019:

1). Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế xã hội để chuyển tiếp sang năm 2019

Theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2018 huyện Quỳnh Nhai đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 12/3/2018. Cũng như nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực có kế hoạch triển khai thực hiện trong năm 2019 trên địa bàn huyện. Xác định các chỉ tiêu chưa thực hiện hết trong năm 2018 chuyển tiếp sang năm 2019 như sau:

Bảng số 1: Chỉ tiêu chuyển tiếp thực hiện năm 2019

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích KH 2018 được duyệt (ha)	Diện tích năm 2018	So sánh kết quả thực hiện	Kế hoạch năm 2019	Diện tích chuyển tiếp
1	Đất trồng cây lâu năm	2.321,76	2.201,01	-120,75	2.286,44	100
2	Đất nuôi trồng thủy sản	197,45	149,40	-48,05	159,22	10,60
3	Đất quốc phòng	26,29	24,83	-1,46	26,29	1,46
4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	14,28	12,98	-1,30	15,33	1,39
5	Đất cơ sở giáo dục – đào tạo	53,79	53,91	0,12	57,12	1,71
6	Đất giao thông	514,43	470,11	-44,32	520,38	46,43
7	Đất thủy lợi	66,06	65,23	-0,83	66,92	2,14
8	Đất công trình năng lượng	9,32	8,32	-1,00	9,98	1,54
9	Đất chợ	3,34	3,04	-0,30	3,34	0,30
10	Đất ở tại nông thôn	501,71	445,68	-56,03	483,63	28,72
11	Đất ở tại đô thị	36,35	35,06	-1,29	55,29	1,42

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích KH 2018 được duyệt (ha)	Diện tích năm 2018	Số sánh kết quả thực hiện	Kế hoạch năm 2019	Diện tích chuyển tiếp
12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	245,52	245,52		251,89	4,37
13	Đất sinh hoạt cộng đồng	11,07	10,77	-0,30	11,32	0,40
14	Đất phi nông nghiệp khác	1,15	0,57	-0,58	3,72	0,15

a) Đất nông nghiệp

- Đất trồng cây lâu năm: Hiện trạng năm 2018 có 2.201,01 ha, diện tích chưa thực hiện hết trong năm 2018 so với kế hoạch được duyệt là 120,75 ha, trong năm 2019 để phù hợp với kinh tế - xã hội chuyển tiếp 100,0 ha đất trồng cây lâu năm để trồng cây ăn quả trên đất dốc nhằm đảm bảo tính bền vững trong phát triển ngành nông nghiệp.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Hiện trạng năm 2018 có 149,40 ha, diện tích chưa thực hiện hết trong năm 2018 so với kế hoạch được duyệt là 48,05 ha, trong năm 2019 để phù hợp với kinh tế - xã hội chuyển tiếp 10,60 ha đất nuôi trồng thủy sản nhằm đảm bảo tính bền vững trong phát triển ngành nông nghiệp.

b) Đất phi nông nghiệp

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 1,46 ha để thực hiện công trình trận địa súng máy 12,7mm tại xã Mường Giàng.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 1,39 ha để thực hiện Đấu giá cho thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (Khu Phiêng Nèn).

- Đất cơ sở giáo dục – đào tạo: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 1,71 ha để thực hiện tiếp 5 công trình dự án trường mầm non bản Nà Đò, bản Cang, bản Nà Pát, bản Đúc xã Chiềng Khoang, Lớp học mầm non điểm TĐC Huổi Khinh 1,2 thuộc dự án xây dựng điểm TĐC Huổi Khinh 1,2.

- Đất giao thông: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 46,43 ha. Các công trình giao thông chuyển tiếp sang năm 2019 cụ thể:

Bảng số 2: Công trình đất giao thông chuyển tiếp năm 2019

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	VỊ TRÍ THỰC HIỆN	DIỆN TÍCH (ha)
1	Hệ thống đường nội bộ trung tâm xã Chiềng Ôn (tạo quỹ đất đầu giá)	Xã Chiềng Ôn	1,30
2	Hệ thống giao thông khu dân cư bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Chiên	2,88
3	Đường vào điểm tái định cư, đường nội bộ điểm Huổi Khinh 1+2 xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	8,15
4	Hệ thống đường nội bộ đầu giá khu trung tâm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	3,05
5	Cầu kết cấu thép trung tâm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	0,20
6	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông bản Cút Púng Luông - Huổi Tung	Xã Mường Giôn	2,15
7	Mở mới đường trung tâm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	1,30
8	Đường tỉnh lộ 107 - bản Cọ xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét	2,55
9	Đường GTNT bản Co Sán, xã Mường Sại - bản Bó Ún, xã Nậm Ét	Xã Mường Sại, Xã Nậm Ét	1,45
10	Bãi đỗ xe Đền Linh Sơn Thủy Từ	Xã Mường Giàng	0,40
11	Đường GTNT bản Huổi Tăm - Nà Phi - Co Sán xã Mường Sại	Xã Mường Sại	6,50
12	Đường Tỉnh lộ 107 - bản Póng - bản Cà, xã Nậm Ét, huyện Quỳnh Nhai	Xã Nậm Ét	7,60
13	Đường giao thông bản Lý (Chiềng Khoang) - Phòng Lái (Thuận Châu)	Xã Chiềng Khoang	2,81
14	Đường giao thông bản Hậu - xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu (đoạn Phiêng Tở - Phiêng Mây - Chiềng Pha)	Xã Chiềng Khoang	0,28
15	Đường tỉnh lộ 107 tránh ngập thủy điện Sơn La (địa phận tỉnh Sơn La)	Xã Mường Giôn, Xã Chiềng Khay	1,37
16	Đường GTNT từ Trung tâm xã - bản Sán - bản Nậm Giắt, xã Chiềng khoang, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Khoang	2,64
17	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ bản Phiêng Mọt - Huổi Tèo - Khâu Pùm xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay, Mường Giôn	1,80

- Đất thủy lợi: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 2,14 ha để thực hiện 04 công trình thủy lợi bản Giang Lò xã Cà Nàng, thủy lợi bản Đúc xã Chiềng Khoang, thủy lợi bản tậu xã Pá Ma Pha Khinh và thủy lợi bản Lóng + bản Trạ xã Chiềng Bằng.

- Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 2,14 ha để thực hiện 03 công trình: Điện sinh hoạt điểm TĐC Huổi Khinh 1, 2 xã Chiềng Ôn; Cấp điện sinh hoạt cho các hộ bản Phiêng Luông xã Chiềng Bằng; Điện sinh hoạt bản Co Que xã Chiềng Khay.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Đất chợ: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 0,30 ha để thực hiện công trình chợ trung tâm xã Pá Ma Pha Khinh.

- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 28,72 ha. Các công trình giao thông chuyển tiếp sang năm 2019 cụ thể:

Bảng số 3: Công trình đất ở nông thôn chuyển tiếp năm 2019

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	VỊ TRÍ THỰC HIỆN	DIỆN TÍCH (ha)
1	San ủi khu Huổi Quối (tạo quỹ đất đầu giá)	Xã Chiềng Bằng	0,99
2	Khu dân cư nông thôn mới tại bản Táng Luông và bản Loong Ó	Xã Chiềng Khay	3,93
3	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Chiên	3,12
4	San nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu Kho lương thực trung tâm Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	0,09
5	Khu dân cư nông thôn mới tại bản Khoang, bản Hua Mường	Xã Chiềng Khoang	5,01
6	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu trường Mầm non xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	0,30
7	Đầu giá đất ở trung tâm xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	3,00
8	XD điểm TĐC Huổi Kinh 1, Huổi Khinh 2, xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	4,98
9	Đất ở dọc Quốc lộ 279 đến đầu cầu Pá Uôn (từ đầu cầu số 1 đến đầu cầu Pá Uôn)	Xã Mường Giàng	1,50
10	Khu dân cư nông thôn mới tại Pom Mường	Xã Mường Giàng	0,40
11	Đầu giá khu ngã ba Mường Giàng	Xã Mường Giàng	0,48
12	San ủi khu cây xăng xã Mường Giôn (tạo quỹ đất đầu giá)	Xã Mường Giôn	0,20
13	Đầu giá đất ở khu trạm y tế xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	0,08
14	San nền đầu giá đất ở khu trung tâm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	3,85
15	Đầu giá đất ở trụ sở UBND cũ xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	0,09
16	Đầu giá đất ở trung tâm xã Mường Giôn (sau chợ)	Xã Mường Giôn	0,50
17	Đầu giá khu trung tâm xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá Ma Pha Khinh	0,20

- Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 1,42 ha. Các công trình giao thông chuyển tiếp sang năm 2019 cụ thể:

Bảng số 4: Công trình đất ở đô thị chuyển tiếp năm 2019

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	VỊ TRÍ THỰC HIỆN	DIỆN TÍCH (ha)
1	Khu Dân cư đô thị Phiêng Lanh	Xã Mường Giàng	0,09
2	Đầu giá đất ở lô ODH-81 Khu đất Phiêng Nèn	Xã Mường Giàng	0,39
3	Đầu giá đất ở khu X8, xã Mường Giàng (23 lô còn lại)	Xã Mường Giàng	0,32
4	Khu đất xóm 1, xã Mường Giàng đối diện Phòng Nông Nghiệp 9 thửa còn lại	Xã Mường Giàng	0,09
5	Khu đầu giá tờ bản đồ địa chính số 15 tại xóm 3, xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	0,43
6	Khu đất ở ODC và ODC 34 đối diện chợ Trung tâm (13 thửa còn lại)	Xã Mường Giàng	0,10

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Trong kế hoạch năm 2018 dự án xây dựng điểm TĐC Huổi Khinh 1,2 xã Chiềng Ôn bao gồm cả chỉ tiêu đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng. Để phù hợp với kế hoạch năm 2019 chuyển tiếp sang 4,37 ha để triển khai thực hiện.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 0,40 ha. Các công trình đất sinh hoạt cộng đồng chuyển tiếp sang năm 2019 cụ thể:

Bảng số 5: Công trình đất sinh hoạt cộng đồng chuyển tiếp năm 2019

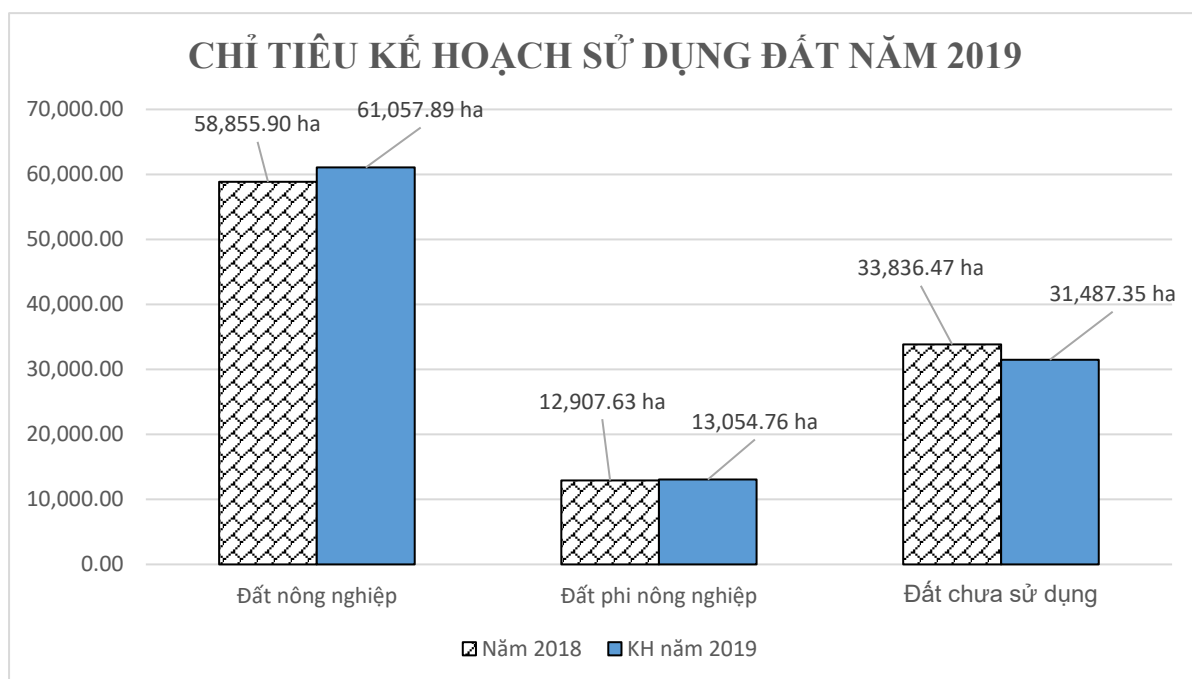
STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	VỊ TRÍ THỰC HIỆN	DIỆN TÍCH (ha)
1	Nhà văn hóa bản Hán B, xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	0,05
2	Nhà văn hóa bản Hua Tát, xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	0,05
3	Nhà văn hóa bản Hóc, xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	0,05
4	Nhà văn hóa bản Nhả Sày	Xã Mường Sại	0,05
5	Nhà văn hóa bản Co Sản + HM phụ trợ	Xã Mường Sại	0,05
6	Nhà văn hóa điểm TĐC Huổi Khinh 1, 2 (Thuộc dự án xây dựng điểm TĐC Huổi Khinh 1,2 xã Chiềng Ôn)	Xã Chiềng Ôn	0,10
7	Nhà văn hóa bản Khúm + các hạng mục phụ trợ	Xã Pá Ma Pha Khinh	0,05

- Đất phi nông nghiệp khác: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2018 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2019 là 0,15 ha để thực hiện dự án khắc phục sạt lở dự án san nền tạo quỹ đất đầu giá tại trụ sở UBND cũ xã Mường Giôn.

2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2019 được xác định trên cơ sở quỹ đất của tổ chức, hộ gia đình cá nhân đang sử dụng và nhu cầu phát triển phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2019 và các năm tiếp theo. Cụ thể cho từng loại đất như sau:

Biểu đồ số 2: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai



2.2.1. Đất nông nghiệp

Kế hoạch năm 2019 diện tích đất nông nghiệp là 61.057,79 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 58.080,44 ha. Thực tăng 2.201,89 ha so với hiện trạng năm 2018 (58.855,90 ha). Bao gồm các loại đất cụ thể như sau:

a) Đất trồng lúa

Kế hoạch năm 2019 là 2.159,32 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 2.149,32 ha. Thực giảm 13,70 ha so với hiện trạng năm 2018 (2.173,02 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 13,70 ha do chuyển sang:

- Đất phát triển hạ tầng 7,12 ha;
- Đất ở tại nông thôn 6,58 ha.

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước

Kế hoạch năm 2019 là 500,71 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 490,71 ha. Thực tăng 6,70 ha so với hiện trạng năm 2018 (494,01 ha).

Diện tích tăng 10,0 ha do được chuyển từ đất trồng lúa nước còn lại sang.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 3,30 ha do chuyển sang Đất giao thông.

b) Đất trồng cây hàng năm khác

Kế hoạch năm 2019 là 13.757,15 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 13.702,15 ha. Thực giảm 113,50 ha so với hiện trạng năm 2018 (13.870,65 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 168,50 do chuyển sang các loại đất:

+ Đất trồng cây lâu năm	100,00 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	10,60 ha;
+ Đất quốc phòng	1,46 ha;
+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	2,23 ha;
+ Đất phát triển hạ tầng	17,72 ha;
+ Đất ở tại nông thôn	11,93 ha;
+ Đất ở tại đô thị	19,49 ha;
+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	2,00 ha;
+ Đất sinh hoạt cộng đồng	0,07 ha;
+ Đất phi nông nghiệp khác	3,00 ha.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 55,0 ha do được chuyển sang từ đất chưa sử dụng.

c) Đất trồng cây lâu năm

Kế hoạch năm 2019 là 2.286,44 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 2.186,44 ha. Thực tăng 85,43 ha so với hiện trạng năm 2018 (2.201,01ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 14,57 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất thương mại, dịch vụ	0,18 ha;
- Đất phát triển hạ tầng	5,10 ha;
- Đất ở tại nông thôn	8,29 ha;
- Đất ở tại đô thị	0,62 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng	0,38 ha.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 100,0 ha do được chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác sang.

Diện tích thay đổi tăng để thực hiện các dự án trồng cây ăn quả, cây dược liệu ứng dụng công nghệ cao tại xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai và chuyển mục đích trồng cây ăn quả trên đất dốc tại các xã trên địa bàn huyện.

d) Đất rừng phòng hộ

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Kế hoạch năm 2019 là 26.127,62 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 24.732,07 ha. Thực tăng 1.055,20 ha so với hiện trạng năm 2018 (25.072,42 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 340,35 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất rừng sản xuất 306,70 ha (*chuyển rừng phòng hộ ít xung yếu sang phát triển rừng sản xuất*);
- Đất phát triển hạ tầng 22,22 ha;
- Đất ở tại nông thôn 6,96 ha;
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 4,37 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng 0,10 ha.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 1.395,55 ha do được chuyển từ các loại đất:

- + Đất rừng sản xuất 227,55 ha;
- + Đất chưa sử dụng 1.168,00 ha.

e) Đất rừng sản xuất

Kế hoạch năm 2019 là 16.562,42 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 15.156,22 ha. Thực tăng 1.178,64 ha so với hiện trạng năm 2018 (15.383,78 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 227,56 ha do chuyển sang các loại đất:

- + Đất rừng phòng hộ 227,55 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng 0,01 ha.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 1.406,20 ha do được chuyển sang từ các loại đất:

- + Đất rừng phòng hộ 306,70 ha;
- + Đất chưa sử dụng 1.099,50 ha.

g) Đất nuôi trồng thủy sản

Kế hoạch năm 2019 là 159,22 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 148,62 ha. Thực tăng 9,82 ha so với hiện trạng năm 2018 (149,40 ha).

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 10,60 ha do được chuyển sang từ các loại đất trồng cây hàng năm khác.

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 0,78 ha do chuyển sang các loại đất:

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nai

- + Đất phát triển hạ tầng 0,56 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 0,22 ha.

h) Đất nông nghiệp khác

Kế hoạch năm 2019 là 5,62 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

(Chi tiết xem biểu 03/CH kèm theo báo cáo)

2.2.2. Đất phi nông nghiệp

Kế hoạch năm 2019, diện tích đất phi nông nghiệp của huyện là 13.054,76 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 12.905,20 ha. Thực tăng 146,45 ha so với hiện trạng năm 2018 (12.908,31 ha). Bao gồm các loại đất cụ thể như sau:

a) Đất quốc phòng

Kế hoạch năm 2019 là 26,29 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng trong năm kế hoạch là 24,83 ha. Thực tăng 1,46 ha so với hiện trạng năm 2018 (24,83 ha).

Diện tích thay đổi tăng 1,46 do được chuyển sang từ các loại đất trồng cây hàng năm khác.

Diện tích tăng thêm để xây dựng các công trình: Trận địa súng máy 12,7mm tại xã Mường Giàng.

b) Đất an ninh

Kế hoạch năm 2019 là 1,04 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

c) Đất thương mại, dịch vụ

Kế hoạch năm 2019 là 1,86 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 1,68 ha. Thực tăng 0,18 ha so với hiện trạng năm 2018 (1,68 ha).

Diện tích thay đổi tăng 0,18 do được chuyển sang từ đất trồng cây lâu năm.

Diện tích tăng thêm để xây dựng công trình: Khu thương mại dịch vụ Xóm 6, xã Mường Giàng.

d) Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Kế hoạch năm 2019 là 15,33 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 12,89 ha. Thực tăng 2,35 ha so với hiện trạng năm 2018 (12,98 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 0,09 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn để dự kiến san nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu kho lương thực tạo quỹ đất đầu giá tại trung tâm Chiềng Khoang.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 2,44 ha do được chuyển sang từ các loại đất:

- + Đất trồng cây hàng năm khác 2,23 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 0,01 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,20 ha.

Diện tích tăng thêm để thực hiện công trình, dự án:

- + Đấu giá cho thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (Khu Phiêng Nèn);
- + Đấu giá cho thuê đất sản xuất kinh doanh hỗn hợp ở phiêng nèn;
- + Đấu giá cho thuê đất và tài sản trên đất của phòng nông nghiệp cũ;
- + Xưởng sơ chế, bảo quản nông sản của HTX dịch vụ thương mại Thương Tuyên tại xã Chiềng Bằng.

e) Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Kế hoạch năm 2019 là 4,10 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

f) Đất phát triển hạ tầng

Kế hoạch năm 2019 là 682,60 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 623,61 ha. Thực tăng 57,15 ha so với hiện trạng năm 2018 (625,45 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 0,53 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 57,68 ha do được chuyển sang từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 7,12 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 17,72 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 5,10 ha;
- Đất rừng phòng hộ 22,22 ha;
- Đất rừng sản xuất 0,01 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,56 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,23 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,50 ha;
- Đất chưa sử dụng 4,22 ha.

Chi tiết các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

g1) Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Kế hoạch năm 2019 là 11,20 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

g2) Đất xây dựng cơ sở y tế

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Kế hoạch năm 2019 là 5,82 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 5,57 ha. Thực tăng 0,02 ha so với hiện trạng năm 2018 (5,80 ha).

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 0,25 ha do được chuyển sang từ các loại đất sau :

- Đất trồng cây lâu năm 0,20 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,05 ha.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch để xây dựng trạm y tế mới xã Chiềng Khoang.

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 0,23 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn để đấu giá khu trạm y tế xã Chiềng Khoang, đấu giá khu trạm y tế cũ xã Mường Giàng, Dự án kè và Đấu giá đất ở khu trạm y tế xã Mường Giôn.

g3) Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo

Kế hoạch năm 2019 là 57,12 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 53,61 ha. Thực tăng 3,21 ha so với hiện trạng năm 2018 (53,91ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 0,30 ha do chuyển sang đất ở tại nông thôn để thực hiện Đấu giá đất ở trường mầm non cũ xã Chiềng Khoang.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 3,51 ha do được chuyển sang từ các loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác 1,30 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,10 ha;
- Đất rừng phòng hộ 1,53 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,08 ha;
- Đất chưa sử dụng 0,50 ha.

Diện tích tăng thêm để thực hiện các công trình:

- + Nhà lớp học tiểu học 1 tầng 2 phòng bản Cồng Ái, xã Chiềng Ôn;
- + Xây dựng trường Mầm non xã Pá Ma Pha Khinh và các hạng mục phụ trợ;
- + Trường mầm non hoa hồng bản Nà Mạt xã Mường Giôn;
- + Lớp mầm non + các hạng mục phụ trợ bản Nà Đo xã Chiềng Khoang;
- + Lớp mầm non + các hạng mục phụ trợ bản Cang xã Chiềng Khoang;
- + Lớp mầm non + các hạng mục phụ trợ bản Pát xã Chiềng Khoang;
- + Lớp mầm non + các hạng mục phụ trợ bản Đúc xã Chiềng Khoang;
- + Lớp học mầm non điểm TĐC Huổi Khinh 1,2 xã Chiềng Ôn.

e4) Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao

Kế hoạch năm 2019 là 6,83 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

e5) Đất giao thông

Kế hoạch năm 2019 là 520,38 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 470,11 ha. Thực tăng 50,27 ha so với hiện trạng năm 2018 (470,11 ha).

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 50,27 ha do được sang từ các loại đất:

- Đất trồng lúa	5,80 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác	13,32 ha;
- Đất trồng cây lâu năm	4,80 ha;
- Đất rừng phòng hộ	20,15 ha;
- Đất rừng sản xuất	0,01 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản	0,56 ha;
- Đất thủy lợi	1,31 ha;
- Đất ở tại nông thôn	0,10 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,50 ha;
- Đất chưa sử dụng	3,72 ha.

Diện tích tăng thêm để thực hiện các công trình:

- + Nâng cấp, mở rộng đường giao thông bản Cút Púng Luông - Huổi Tung;
- + Bãi đỗ xe Đền Linh Sơn Thủy Từ xã Mường Giàng;
- + Hệ thống đường nội bộ trung tâm xã Chiềng Ôn (tạo quỹ đất đấu giá);
- + Nâng cấp đường Pom Be - bản Ái - bản Lóm Khiểu A, B xã Mường Giàng;
- + Bến xe khách xã Chiềng Khay;
- + Đường QL6B- bản Cọ xã Nậm É;
- + Hệ thống đường nội bộ khu dân cư vùng thiên tai sạt lở bản Bon xã Mường Chiên;
- + Hệ thống đường nội bộ thuộc Dự án san nền và các hạng mục phụ trợ khu TTX Mường Giôn;
- +

e6) Đất thủy lợi

Kế hoạch năm 2019 là 66,92 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 63,92 ha. Thực tăng 1,69 ha so với hiện trạng năm 2018 (63,92 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 1,31 ha do chuyển sang đất giao thông.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 3,00 ha do được chuyển từ các loại đất:

- Đất trồng lúa	1,32 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác	1,68 ha.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

h) Đất bãi thải, xử lý chất thải

Kế hoạch năm 2019 là 3,47 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

i) Đất ở tại nông thôn

Kế hoạch năm 2019 là 483,63 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 445,44 ha. Thực tăng 37,95 ha so với hiện trạng năm 2018 (445,68 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 0,24 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,01 ha;
- Đất phát triển hạ tầng 0,23 ha.

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 38,19 ha do được chuyển sang từ các loại đất:

- Đất trồng lúa 6,58 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác 11,93 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 8,29 ha;
- Đất rừng phòng hộ 6,96 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,10 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,09 ha;
- Đất phát triển hạ tầng 0,53 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,09 ha;
- Đất chưa sử dụng 3,62 ha.

Diện tích tăng thêm để đáp ứng nhu cầu giãn dân, tách hộ trong khu dân cư nông thôn và thực hiện các công trình:

- + Đất ở khu dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, đá bản Bon, xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai;
- + Đất ở điểm TĐC Huổi Kinh 1, Huổi Kinh 2, xã Chiềng Ôn;
- + Khu dân cư nông thôn mới tại bản Khoang, bản Hua Mường xã Chiềng Khoang;
- + Đất ở dọc Quốc lộ 279 đến đầu cầu Pá Uôn xã Mường Giàng;
- + San ủi khu cây xăng xã Mường Giôn (tạo quỹ đất đấu giá);
- +

j) Đất ở tại đô thị

Kế hoạch năm 2019 là 55,29 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 35,06 ha. Thực tăng 37,95 ha so với hiện trạng năm 2018 (35,06 ha).

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 20,23 ha do được chuyển sang từ các loại đất:

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Đất trồng cây hàng năm khác 19,49 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,62 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản 0,12 ha;

Diện tích tăng thêm để đáp ứng nhu cầu giãn dân, tách hộ trong khu dân cư nông thôn và thực hiện các công trình:

- + Đấu giá đất ở lô ODH-81 Khu đất Phiêng Nèn;
- + Đấu giá đất ở khu X8, xã Mường Giàng (23 lô còn lại);
- + Khu đấu giá tờ bản đồ địa chính số 15 tại xóm 3, xã Mường Giàng;
- + Khu đất ở ODC và ODC 34 đối diện chợ Trung tâm (13 thửa còn lại);
- + Đấu giá đất ở khu X4, X5, X7 trung tâm huyện Quỳnh Nhai;
- +

k) Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Kế hoạch năm 2019 là 17,96 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 17,96 ha. Thực giảm 0,44 ha so với hiện trạng năm 2018 (18,40 ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 0,44 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,20 ha;
- Đất ở tại nông thôn 0,09 ha;
- Đất phi nông nghiệp khác 0,15 ha.

Diện tích giảm để chuyển sang thực hiện các công trình:

- + Khắc phục sạt lở dự án san nền tạo quỹ đất tại trụ sở UBND xã Mường Giôn cũ;
- + Đấu giá đất ở khu trung tâm xã Mường Giôn cũ;
- + Đấu giá cho thuê đất và tài sản trên đất của phòng nông nghiệp cũ.

l) Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Kế hoạch năm 2019 là 0,20 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

m) Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Kế hoạch năm 2019 là 251,89 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 245,52 ha. Thực tăng 6,37 ha so với hiện trạng năm 2018 (245,52 ha).

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 6,37 ha do được chuyển sang từ các loại đất sau:

- + Đất trồng cây hàng năm khác 2,00 ha;
- + Đất rừng phòng hộ 4,37 ha.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

Diện tích thay đổi tăng để quy hoạch mở rộng nghĩa trang nhân dân huyện tại xã Mường Giàng và đất nghĩa địa điểm TĐC Huổi Khinh 1,2.

n) Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Kế hoạch năm 2019 là 5,73 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

o) Đất sinh hoạt cộng đồng

Kế hoạch năm 2019 là 11,32 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 10,77 ha. Thực tăng 0,55 ha so với hiện trạng năm 2018 (10,77 ha).

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 0,55 ha do được chuyển sang từ các loại đất:

- Đất trồng cây hàng năm khác 0,07 ha;
- Đất trồng cây lâu năm 0,38 ha;
- Đất rừng phòng hộ 0,10 ha.

Diện tích tăng thêm để thực hiện các công trình sau:

- + Nhà văn hóa bản Nà Hoi, xã Chiềng Khoang;
- + Nhà văn hóa bản Nậm Tấu, xã Chiềng Khay;
- + Nhà văn hóa bản Hán B, xã Chiềng Khoang;
- + Nhà văn hóa bản Hua Tát, xã Mường Giàng;
- + Nhà văn hóa bản Hốc, xã Mường Giàng;
- + Nhà văn hóa điểm TĐC Huổi Khinh 1,2 xã Chiềng On.
- +

p) Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Kế hoạch năm 2019 là 5,28 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

q) Đất cơ sở tín ngưỡng

Kế hoạch năm 2019 là 22,60 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 4,60 ha. Thực tăng 18 ha so với hiện trạng năm 2018 (4,60 ha).

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 18 ha do được chuyển từ đất chưa sử dụng sang để thực hiện Dự án khu văn hóa tâm linh huyện Quỳnh Nhai tại xã Mường Giàng.

r) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Kế hoạch năm 2019 là 436,17 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 436,17 ha. Thực giảm 0,50 ha so với hiện trạng năm 2018 (436,67ha).

Diện tích thay đổi giảm trong năm kế hoạch là 0,50 ha do chuyển sang đất

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

giao thông để thực hiện công trình Đường Tỉnh lộ 107 - bản Pồng - bản Cà, xã Nậm Ét.

s) Đất có mặt nước chuyên dùng

Kế hoạch năm 2019 là 11.024,68 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

t) Đất phi nông nghiệp khác

Kế hoạch năm 2019 là 3,82 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 0,67 ha. Thực tăng 3,15 ha so với hiện trạng năm 2018 (0,67 ha).

Diện tích thay đổi tăng trong năm kế hoạch là 3,15 ha do được chuyển sang từ các loại đất:

+ Đất trồng cây hàng năm khác 3,00 ha;

+ đất trụ sở cơ quan: 0,15 ha.

Diện tích tăng để thực hiện công trình Khắc phục sạt lở dự án san nền tạo quỹ đất tại trụ sở UBND xã Mường Giôn cũ và Dự án xây dựng bãi tập dân quân xã Nậm Ét tại bản Nong .

(Chi tiết xem biểu 03/CH kèm theo báo cáo)

2.2.3. Đất chưa sử dụng

Kế hoạch năm 2019 là 31.487,45 ha. Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với năm hiện trạng là 31.487,45 ha, thực giảm 2.348,34 ha so với hiện trạng năm 2018 (33.835,79 ha).

Trong năm kế hoạch diện tích thay đổi giảm đưa vào sử dụng cho các mục đích là 2.348,34 ha. Trong đó, diện tích giảm chuyển sang nhóm đất nông nghiệp là 2.322,50 ha, đất phi nông nghiệp là 25,84 ha. Cụ thể:

- | | |
|-------------------------------|--------------|
| - Đất trồng cây hàng năm khác | 55,00 ha; |
| - Đất rừng phòng hộ | 1.168,00 ha; |
| - Đất rừng sản xuất | 1.099,50 ha; |
| - Đất phát triển hạ tầng | 4,22 ha; |
| - Đất ở tại nông thôn | 3,62 ha; |
| - Đất cơ sở tín ngưỡng | 18,00 ha. |

(Chi tiết xem biểu 03/CH kèm theo báo cáo)

3. Tổng hợp nhu cầu và phân tích chỉ tiêu sử dụng các loại đất

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân và đảm bảo phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 của huyện. Cụ thể các loại đất như sau:

Bảng số 6: Diện tích các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2018	Diện tích KH 2019	So sánh
	Tổng diện tích tự nhiên		105.600	105.600	
1	Đất nông nghiệp	NNP	58.855,90	61.057,79	2.201,80
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.173,02	2.159,32	-13,70
	<i>Tr.đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>494,01</i>	<i>500,71</i>	<i>6,70</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13.870,75	13.757,25	-113,50
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.201,01	2.286,44	85,43
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	25.072,42	26.127,62	1.055,20
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	15.383,78	16.562,42	1.178,64
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	149,40	159,22	9,82
1.8	Đất làm muối	LMU			
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	5,62	5,62	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	12.908,31	13.054,76	146,45
2.1	Đất quốc phòng	CQP	24,83	26,29	1,46
2.2	Đất an ninh	CAN	1,04	1,04	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK			
2.4	Đất khu chế xuất	SKT			
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,68	1,86	0,18
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	12,98	15,33	2,35
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	4,10	4,10	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	625,45	682,60	57,15
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,50	1,50	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,47	3,47	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	445,68	483,63	37,95
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	35,06	55,29	20,23
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	18,40	17,96	-0,44
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,20	0,20	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON			
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	245,52	251,89	6,37
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	5,73	5,73	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,77	11,32	0,55

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2018	Diện tích KH 2019	So sánh
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	5,28	5,28	
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	4,60	22,60	18,00
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	436,67	436,17	-0,50
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	11.024,68	11.024,68	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,67	3,82	3,15
3	Đất chưa sử dụng	CSD	33.835,79	31.487,45	-2.348,34

3.1. Đất nông nghiệp

Diện tích năm 2019 là 61.057,79 ha, tăng 2.201,89 ha so với năm 2018. Cụ thể các loại đất như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích năm 2019 là 2.159,32 ha, giảm 13,70 ha so với năm 2018.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích năm 2019 là 13.757,25 ha, giảm 113,50ha so với năm 2018.

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích năm 2019 là 2.286,44 ha, tăng 85,43 ha so với năm 2018.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích năm 2019 là 26.127,62 ha, tăng 1.055,20 ha so với năm 2018.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích năm 2019 là 16.562,42 ha, tăng 1.178,64 ha so với năm 2018.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích năm 2019 là 159,22 ha, tăng 9,82 ha so với năm 2018.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích năm 2019 là 5,62 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với năm 2018.

(Chi tiết xem biểu 03/CH kèm theo báo cáo)

3.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích năm 2019 là 13.054,76 ha, tăng 146,45 ha so với năm 2018. Cụ thể các loại đất như sau:

- Đất quốc phòng: Diện tích năm 2019 là 26,29 ha, tăng 1,46 ha so với năm 2018.

- Đất an ninh: Diện tích năm 2019 là 1,04 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích năm 2019 là 1,86 ha, tăng 0,18 ha so với năm 2018.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích năm 2019 là 15,33 ha, tăng 2,35 ha so với năm 2018.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích năm 2019 là 4,10 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.
- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Diện tích năm 2019 là 682,60 ha, tăng 57,15 ha so với năm 2018.
- Đất di tích lịch sử - văn hoá: Diện tích năm 2019 là 1,50 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.
- Đất bãi thải, xử lý chất thải: Diện tích năm 2019 là 3,47 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.
- Đất ở tại nông thôn: Diện tích năm 2019 là 483,63 ha, tăng 37,95 ha so với năm 2018.
- Đất ở tại đô thị: Diện tích năm 2019 là 483,63 ha, tăng 20,23 ha so với năm 2018.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích năm 2019 là 17,96 ha, giảm 0,44 ha so với năm 2018.
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích năm 2019 là 0,20 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.
- Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Diện tích năm 2019 là 251,89 ha, tăng 6,37 ha so với năm 2018.
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích năm 2019 là 5,73 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.
- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích năm 2019 là 11,32 ha, tăng 0,55 ha so với năm 2018.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích năm 2019 là 5,28 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.
- Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích năm 2019 là 22,60 ha, tăng 18 ha so với năm 2018.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích năm 2019 là 436,17 ha, giảm 0,50 ha so với năm 2018.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích năm 2019 là 11.024,68 ha. Không có sự thay đổi về diện tích so với hiện trạng năm 2018.
- Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích năm 2019 là 3,82 ha, tăng 3,15 ha so với năm 2018.

(Chi tiết xem biểu 03/CH kèm theo báo cáo)

3.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích năm 2019 là 31.487,45 ha, giảm 2.348,34 ha so với năm 2018.

(Chi tiết xem biểu 03/CH kèm theo báo cáo)

4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

4.1. Chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 toàn huyện chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp là 120,61 ha, trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 13,70 ha (trong đó đất chuyên trồng lúa nước chuyển 3,30 ha). Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất phát triển hạ tầng 7,12 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 6,58 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 57,90 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất quốc phòng 1,46 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 2,23 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng 17,72 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 11,93 ha;
- + Đất ở tại đô thị 19,49 ha;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 2,00 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,07 ha;
- + Đất phi nông nghiệp khác 3,00 ha.

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp 14,57 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất thương mại, dịch vụ 0,18 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng 5,10 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 8,29 ha;
- + Đất ở tại đô thị 0,62 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,38 ha.

- Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp là 33,65 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất phát triển hạ tầng 22,22 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 6,96 ha;
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa 4,37 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng 0,10 ha.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,01 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng.

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp là 0,78 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất phát triển hạ tầng 0,56 ha;
- + Đất ở tại nông thôn 0,10 ha;
- + Đất ở tại đô thị 0,12 ha.

(Chi tiết xem biểu 04/CH kèm theo báo cáo)

4.2. Chuyển mục đích sử dụng trong nội bộ đất nông nghiệp

- Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 toàn huyện chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp từ đất trồng cây hàng năm chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản 10,60 ha.

4.3. Chuyển mục đích sử dụng trong nội bộ đất phi nông nghiệp

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 0,71 ha.
Cụ thể:

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,09 ha;
+ Đất phát triển hạ tầng	0,53 ha;
+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,09 ha.

(Chi tiết xem biểu 04/CH kèm theo báo cáo)

5. Diện tích các loại đất cần thu hồi

Tổng diện tích đất cần thu hồi trong năm 2019 là 90,91 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp cần thu hồi là 88,41 ha. Cụ thể:

+ Đất trồng lúa	11,15 ha;
+ Đất trồng cây hàng năm khác	36,99 ha;
+ Đất trồng cây lâu năm	7,88 ha;
+ Đất rừng phòng hộ	31,60 ha;
+ Đất rừng sản xuất	0,01 ha;
+ Đất nuôi trồng thủy sản	0,78 ha.

- Đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 2,50 ha. Cụ thể:

+ Đất phát triển hạ tầng	1,76 ha;
+ Đất ở tại nông thôn	0,24 ha;
+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,50 ha.

(Chi tiết xem biểu 05/CH kèm theo báo cáo)

6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Diện tích nhóm đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất là 2.348,34 ha. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho các mục đích đất nông nghiệp là 2.322,50 ha, đất phi nông nghiệp là 25,84 ha. Cụ thể:

- Đất trồng cây hàng năm khác	55,00 ha;
- Đất rừng phòng hộ	1.168,00 ha;
- Đất rừng sản xuất	1.099,50 ha;
- Đất phát triển hạ tầng	4,22 ha;
- Đất ở tại nông thôn	3,62 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng	18,00 ha.

(Chi tiết xem biểu 06/CH kèm theo báo cáo)

7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn huyện sẽ triển khai xây dựng một số công trình, dự án phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện được thể hiện tại biểu 07/CH kèm theo báo cáo thuyết minh tổng hợp.

8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019

8.1. Căn cứ pháp lý để tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

Các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2016 được dựa trên các căn cứ tính toán sau:

- Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.
- Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính: Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.
- Nghị quyết số 103/2014/NQ-HĐND ngày 04/12/2014 của HĐND tỉnh kỳ họp thứ 9 khóa XIII về việc thông qua bảng giá các loại đất giai đoạn 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Sơn La áp dụng từ ngày 01/01/2015.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 11/08/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La, áp dụng đến ngày 31/12/2019 ban hành kèm theo Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La.

8.2. Ước tính các khoản thu, chi trên liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019

Căn cứ Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La áp dụng đến 31/12/2019 áp dụng chi tiêu các loại đất với giá sau:

Giá đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai được áp dụng như sau:

- 08 Xã Mường Chiên, Mường Giàng, Mường Giôn, Pá Ma Pha Khinh, Chiềng Ôn, Chiềng Bằng, Chiềng Khoang, Mường Sại:

- + Đất chuyên trồng lúa nước : 32.000 đồng;
- + Đất trồng lúa nước còn lại : 23.000 đồng;
- + Đất trồng cây hàng năm khác : 22.000 đồng;
- + Đất trồng cây lâu năm : 22.000 đồng;
- + Đất rừng sản xuất : 9.000 đồng;
- + Đất rừng phòng hộ : 7.000 đồng;
- + Đất nuôi trồng thủy sản : 32.000 đồng.

- 03 xã còn lại bao gồm: Xã Cà Nàng, Chiềng Khay, Nậm Ét:

- + Đất chuyên trồng lúa nước : 30.000 đồng;
- + Đất trồng lúa nước còn lại : 21.000 đồng;
- + Đất trồng cây hàng năm khác : 20.000 đồng;
- + Đất trồng cây lâu năm : 20.000 đồng;
- + Đất rừng sản xuất : 9.000 đồng;
- + Đất rừng phòng hộ : 7.000 đồng;
- + Đất nuôi trồng thủy sản : 30.000 đồng.

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Sơn La:

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

- Đối với nhóm đất nông nghiệp (đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản):

+ 08 xã gồm xã Chiềng Bằng, xã Chiềng Khoang, xã Chiềng Ôn, xã Mường Chiên, xã Mường Giàng, xã Mường Giôn, xã Mường Sại, xã Pá Ma Pha Khinh: hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,2.

+ 03 xã Cà Nàng, xã Chiềng Khay, xã Nậm Ét: hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1.

- Đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0.

Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ tài nguyên đất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng số 4: Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ tài nguyên đất

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Diện Tích	Đơn giá (1.000 đồng/m ²)	Thành tiền (1.000 đồng)
I	CÁC KHOẢN THU				81.504.070
1	Đấu giá đất ở	m²	209.600,00		81.495.000
	San nền và các hạng mục phụ trợ khu X4, X5, X7 để đấu giá (San nền + hệ thống đường giao thông)	m ²	25.000	500	10.000.000
	Dân cư đô thị Phiêng Lanh	m ²	900,00	500	450.000
	Đấu giá đất ở trung tâm xã Chiềng Ôn	m ²	30.000,00	120	3.600.000
	San ủi khu Huổi Quổi (tạo quỹ đất đấu giá)	m ²	9.900,00	800	7.920.000
	San ủi khu cây xăng xã Mường Giôn (tạo quỹ đất đấu giá)	m ²	2.000,00	500	1.000.000
	San nền và các hạng mục phụ trợ khu TTX Mường Giôn (san nền + hệ thống đường giao thông)	m ²	38.500,00	500	19.250.000
	Đấu giá đất ở khu trạm y tế xã Mường Giôn	m ²	800,00	500	400.000
	Đấu giá đất ở khu trung tâm xã Mường Giôn	m ²	900,00	500	450.000
	Đấu giá đất ở lô ODH-81 Khu đất Phiêng Nền	m ²	3.900,00	500	1.950.000
	Khu đấu giá tờ bản đồ địa chính số 15 tại xóm 3, xã Mường Giàng	m ²	4.300,00	800	3.440.000
	Khu đất ở ODC và ODC 34 đối diện chợ Trung tâm (13 thửa còn lại)	m ²	1.000,00	900	900.000
	Đấu giá khu ngã ba Mường Giàng	m ²	4.800,00	800	3.840.000
	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu trường Mầm non xã Chiềng Khoang	m ²	3.000,00	500	1.500.000
	San nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu Kho lương thực trung tâm Chiềng Khoang để đấu giá	m ²	900,00	300	270.000
	Đấu giá khu trung tâm xã Pá Ma Pha Khinh	m ²	2.000,00	90	180.000
	Đấu giá khu TTX Mường Giôn (sau chợ)	m ²	5.000,00	250	1.250.000
	đấu giá Trạm y tế cũ xã Chiềng Khoang	m ²	2.500,00	500	1.250.000

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

	Đất ở dọc Quốc lộ 279 đến đầu cầu Pá Uôn (từ đầu cầu số 1 đến đầu cầu Pá Uôn)	m2	15.000	200	3.000.000
	Đầu giá đất ở khu X8, xã Mường Giàng (23 lô còn lại)	m2	3.200	900	2.880.000
	Đầu giá khu đất ODH - 11 xóm 4 (3 thửa)	m2	1.100	350	385.000
	Đầu giá các thửa đất còn lại tại Phiêng Lanh	m2	13.000	350	4.550.000
	Đầu giá các thửa đất còn lại tại Phiêng Nèn	m2	25.000	350	8.750.000
	Khu đất xóm 1, xã Mường Giàng đổi diện Phiêng Nông Nghiệp 10 thửa còn lại)	m2	900	800	720.000
	San nền và xây dựng cơ sở hạ tầng khu đổi diện ban QLDA đầu tư và xây dựng huyện Quỳnh Nhai	m2	4.000	350	1.400.000
	Đầu giá đất ở khu vực đầu cầu Pá Uôn	m2	12.000	180	2.160.000
2	Đầu giá đất thương mại, dịch vụ tổng hợp (cho thuê đất thu tiền hàng năm)	m2	11.314,00	-	9.070,00
	Khu thương mại dịch vụ Xóm 6, xã Mường Giàng	m2	1.814,00	5,0	9.070
	Đầu giá cho thuê đất sản xuất kinh doanh hỗn hợp ở phiêng nèn	m2	7.500,00	1,0	7.500
	Đầu giá cho thuê đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (Khu Phiêng Nèn)	m2	13.900,00	2,0	27.800
	Đầu giá cho thuê đất và tài sản trên đất của phòng nông nghiệp cũ	m2	2.000,00	2,0	4.000
II	CÁC KHOẢN CHI				54.249.112
1	Chi bồi thường giải phóng mặt bằng		848.600,00		19.601.260
	Đất trồng lúa 2 vụ	m2	33.000	38-33	1.173.780
	Đất trồng lúa 1 vụ	m2	48.500	28-23	1.209.900
	Đất trồng cây hàng năm khác	m2	369.900	26-22	9.242.640
	Đất trồng cây lâu năm	m2	78.800	26-22	1.914.440
	Đất rừng phòng hộ	m2	316.000	7	2.212.000
	Đất rừng sản xuất	m2	100	9	900
	Đất nuôi trồng thủy sản	m2	7.800	30	247.600
	Đất ở	m2	2.400	1.500	3.600.000
2	Hỗ trợ chuyển mục đích đất trồng lúa				50.000
	Đất trồng lúa nước còn lại chuyển sang đất chuyên trồng lúa nước	m2	100.000	0,5	50.000
3	Chi công việc phục vụ công tác quản lý đất đai				397.852
	Chi công tác lập KHSD đất năm 2019				397.852
4	Chi công tác đầu tư xây dựng cơ bản để thực hiện đầu giá các khu đất ở				34.200.000
	Cân đối = Tổng thu - Tổng chi (I-II)				27.254.958

Phần thứ tư

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, khôi phục và phát triển vốn rừng, phát triển rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, chú trọng phát triển lâm sản ngoài gỗ, các cây đa mục tiêu như cây Mắc ca, cây dược liệu... Trồng mới rừng tập trung theo hướng liên vùng, liên khoảnh.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với nhu cầu thị trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, vật tư phân bón, công tác quản lý, hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo đúng quy định.

- Canh tác trên đất dốc cần kết hợp với các biện pháp bảo vệ đất như xây dựng hệ thống nông lâm kết hợp, xây dựng nương định canh, băng cây xanh, trồng cây bằng biện pháp đào rãnh, hồ tránh sự xói mòn đất, rửa trôi chất dinh dưỡng trong đất...

- Bảo vệ và phát triển diện tích rừng lưu vực lòng hồ thủy điện Sơn La trên địa bàn Quỳnh Nai đóng vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, chống bồi lắng lòng hồ thủy điện, hạn chế thiên tai, bảo vệ tính đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn gen của các loài động vật, thực vật rừng tạo cảnh quan thúc đẩy phát triển du lịch lòng hồ. Khai thác bền vững, hiệu quả nguồn lợi thủy sản vùng lòng hồ thủy điện Sơn La.

- Xây dựng hệ thống thu gom rác thải tập trung tránh việc đổ rác bừa bãi, không đúng nơi quy định. Có hệ thống thu gom rác thải, phế thải trong khu dân cư nông thôn, vận động nhân dân thu gom rác, đổ rác đúng nơi quy định.

II. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- *Giải pháp về cơ chế chính sách*

+ Chính sách về đất đai: Tiếp tục tuyên truyền, cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản của Trung ương, của tỉnh, của huyện phục vụ cho việc quản lý và sử dụng đất.

+ Chính sách nhằm bảo vệ và phát triển quỹ đất nông nghiệp: Ưu tiên chuyển đổi diện tích đất trồng cây hàng năm sang trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế cao như Cà phê, cây ăn quả.

+ Chính sách sử dụng hợp lý các loại đất mang tính chất đặc thù: Tận dụng diện tích đất lòng hồ công trình thủy điện trên địa bàn áp dụng chính sách hỗ trợ cá nhân tổ chức nuôi trồng thủy sản theo Quy hoạch hệ thống sản xuất thủy sản tại khu vực lòng hồ thủy điện tỉnh Sơn La đến năm 2020 định hướng đến năm 2025.

+ Chính sách về ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ và duy trì cải thiện môi trường trong việc khai thác sử dụng đất đai: Chính sách khuyến khích

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

áp dụng các kỹ thuật công nghệ phù hợp với phát triển mạnh ưu thế về đa dạng sinh học trong phát triển nông nghiệp, chính sách xử phạt những hành vi gây tổn hại đến đất đai, môi trường.

+ Chính sách ưu đãi: Tạo mọi điều kiện về thủ tục, về những điều kiện có thể đảm bảo nhằm có thể thu hút vốn đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, tiên đầu tư và ưu đãi cho vùng khó khăn về cơ sở hạ tầng, về khoa học kỹ thuật ... để nâng cao đời sống nhân dân và làm cho nhân dân có trách nhiệm trong việc khai thác có hiệu quả và bảo vệ đất đai. Ưu tiên những cán bộ, công nhân có trình độ chuyên môn, tay nghề cao để thu hút nguồn nhân lực này góp phần vào xây dựng phát triển kinh tế xã hội của huyện.

+ Chính sách tạo nguồn vốn từ đất để đầu tư trở lại: Các nguồn thu từ đất như đấu giá đất ở, thu lệ phí địa chính,... cần được trích lại một cách thỏa đáng để nhằm cải tạo đất, điều tra, đánh giá, phân loại, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai.

- Giải pháp về công tác quản lý

- Tổ chức công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất đến các cấp, các ngành, các chủ đầu tư và nhân dân trong huyện biết để thực hiện, tạo điều kiện để mặt trận, đoàn thể, và nhân dân giám sát.

Thực hiện việc đăng ký đất đai, lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích đối với các dự án đã thực hiện và cần thực hiện trong năm 2019 trên địa bàn huyện; thực hiện thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo Quyết định 42/QĐ-UBND tỉnh Sơn La.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các chủ đầu tư để thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đầu tư có trọng điểm, tập trung, đặc biệt là đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo quỹ đất sạch tại các cơ sở sản xuất, thương mại, dịch vụ, phát triển quỹ đất ở để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở.

- Thường xuyên thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2019; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kế hoạch sử dụng đất.

Trách nhiệm các phòng chuyên môn của huyện:

- Tham mưu cho UBND huyện trong các hoạt động quản lý về đất đai và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư do huyện ủy quyền và đã đăng ký.

- Phòng tài chính kế hoạch tham mưu đề xuất các nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, đầu tư để có các quỹ đất sạch về đất ở bán đấu giá, đất TMDV, phối hợp phòng TNMT, Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện rà soát, đưa vào kế hoạch hàng năm các khu đất có lợi thế để tạo nguồn thu ngân sách của kế hoạch các năm sau.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đôn đốc, phối hợp tốt với các chủ đầu tư, thực hiện nhanh nhất về bồi thường, thu hồi đất, chuyển mục

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

đích, giao đất để các dự án triển khai thi công. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở.

Trách nhiệm các UBND xã:

- Tổ chức thực hiện các dự án công trình do xã làm chủ đầu tư, hỗ trợ chuyên mục đích sử dụng đất của hộ gia đình theo đơn xin.

- Phối hợp với các phòng ban của huyện, tham gia tích cực công tác bồi thường, thu hồi giao đất các dự án thực hiện trên địa bàn.

- *Giải pháp về vốn đầu tư:*

+ Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án, khắc phục tình trạng “quy hoạch treo”.

+ Trong quá trình triển khai thực hiện Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ vào kế hoạch nhu cầu của các công trình dự án xây dựng kế hoạch và bố trí mức vốn đầu tư phát triển cho từng chương trình, dự án thuộc nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp với tổng mức đầu tư và cơ cấu đầu tư theo ngành và lĩnh vực. Phối hợp với các Sở ban ngành khác nâng cao chất lượng thẩm định và giám sát đầu tư. Sở Tài chính cân đối các nguồn vốn năm 2019, bố trí nguồn vốn các công trình dự án theo kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt để các Ban, ngành và UBND các cấp có kinh phí thực hiện đúng tiến độ nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra, kịp thời điều chỉnh phân bổ thêm vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết.

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ cấp huyện đến cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án, đặc biệt là công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục người dân cam kết giải phóng mặt bằng, bàn giao đất cho Chủ đầu tư thực hiện các công trình, dự án đảm bảo theo đúng tiến độ; Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư trong mọi lĩnh vực, lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược, có đầy đủ năng lực tài chính để thực hiện tốt các công trình dự án được giao, đem lại hiệu quả và phát huy được tiềm năng của đất.

- Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển, tiếp tục thực hiện chủ trương “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đóng góp xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Áp dụng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt, khắc phục tình trạng “dự án treo”, sử dụng đất không hiệu quả; Kiên quyết thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật Đất đai.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Quỳnh Nhai được xây dựng tuân thủ theo Luật Đất đai năm 2013, thông tư số 28, 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản quy định của pháp luật hiện hành. Trên cơ sở phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, sự biến động về sử dụng các loại đất của huyện trong những năm qua; trên cơ sở xử lý, tổng hợp định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, của huyện, của các ngành, các lĩnh vực đến năm 2019; mang tính kế thừa, có căn cứ khoa học và đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành trên địa bàn. Do đó phương án kế hoạch đảm bảo tính hệ thống, phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện trong thời gian tới.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Quỳnh Nhai được tiến hành trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất cho tất cả các mục đích sử dụng, định mức sử dụng đất và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, của tỉnh và của huyện. Do đó phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Quỳnh Nhai mang tính khả thi cao và phù hợp với thực tiễn.

Xuất phát từ góc nhìn về đất đai để bố trí cơ cấu sử dụng đất, nên phương án này đảm bảo tính phù hợp có thể chấp nhận được trong thời gian năm 2019 việc chuyển các loại đất như sau:

- Đối với đất sản xuất nông nghiệp cùng với sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng cường mở rộng khai hoang, trồng và khoanh nuôi đất lâm nghiệp từ đất chưa sử dụng.

- Đối với đất lâm nghiệp: chuyển đổi các loại đất phù hợp với kết quả rà soát, chuyển đổi đất rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất gắn với quy hoạch 3 loại rừng, đảm bảo cân bằng và ổn định được môi trường sinh thái của huyện.

- Các loại đất phi nông nghiệp được xem xét và tính toán cho mọi loại đất, cả giao thông, thủy lợi, an ninh, quốc phòng, đất có mục đích công công khác... trên cơ sở đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2019. Do vậy vừa đảm bảo tiết kiệm đất nhưng vẫn sử dụng hợp lý.

- Đất chưa sử dụng còn lại ở mức vừa phải để bảo vệ và duy trì cảnh quan thiên nhiên và tạo ra các vùng đệm làm hài hoà các vùng sản xuất.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Quỳnh Nhai là cơ sở để thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của

huyện vừa phù hợp với điều kiện tự nhiên, vừa đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

2. Kiến nghị

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai để UBND huyện có cơ sở triển khai thực hiện việc giao đất, thu hồi đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đề nghị UBND tỉnh và các bộ ngành ở Trung ương quan tâm, hỗ trợ đầu tư kinh phí kịp thời cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội đã được dự kiến xây dựng.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	HĐND	Hội đồng nhân dân
2	UBND	Ủy ban nhân dân
3	CHDCND	Cộng hòa dân chủ nhân dân
4	DA	Dự án
5	DVXH	Dịch vụ - xã hội
6	KH	Kế hoạch
7	PTDT	Phổ thông dân tộc
8	QL	Quốc lộ
9	TĐC	Tái định cư
10	TK	Tiểu khu
11	TL	Tỉnh lộ
12	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
13	TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
14	TP	Thành phố
15	TT	Thị trấn
16	TTX	Trung tâm xã
17	THCS	Trung học cơ sở
18	THPT	Trung học phổ thông
19	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
20	Đất phát triển hạ tầng	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

MỤC LỤC BÁO CÁO

Phần mở đầu

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	1
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	1
III. CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019	2
1. Cơ sở pháp lý.....	2
2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ.....	3
Phần thứ nhất.....	5
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI	5
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	5
1. Điều kiện tự nhiên	5
2. Các nguồn tài nguyên.....	6
3. Thực trạng cảnh quan môi trường.....	9
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI.....	9
1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế.....	9
2. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập.....	12
3. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn	13
4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	14
5. Thực trạng phát triển văn hoá - xã hội	17
6. An ninh - Quốc phòng.....	20

Phần thứ hai

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018	24
1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018	24
2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018	29
3. Đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2018	31

Phần thứ ba

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

I. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG NĂM 2019	32
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2019	33
1. Chỉ tiêu phân bổ sử dụng đất.....	33
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	34
3. Tổng hợp nhu cầu và phân tích chỉ tiêu sử dụng các loại đất.....	50
4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích.....	54
5. Diện tích cần thu hồi	55
6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	55
7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	56

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai

8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019	56
-----------------------------------------------------------------------------------------------	----

Phần thứ tư

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	60
I. GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	60
II. GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ...	60
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	63
1. Kết luận	63
2. Kiến nghị	64

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng số 1: Chỉ tiêu chuyển tiếp thực hiện năm 2019.....	34
Bảng số 2: Công trình đất giao thông chuyển tiếp năm 2019	35
Bảng số 3: Công trình đất ở nông thôn chuyển tiếp năm 2019.....	37
Bảng số 4: Công trình đất ở đô thị chuyển tiếp năm 2019.....	38
Bảng số 5: Diện tích các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019.....	50
Bảng số 6: Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ tài nguyên đất	57

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ số 1: Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2018	24
Biểu đồ số 2: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Quỳnh Nhai....	33